

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Chủ nhiệm đề tài : Đặng Thu Hà – Lớp QT1701K
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

Hải Phòng - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
TNHH FRONTIER VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Chủ nhiệm đề tài : Đặng Thu Hà – Lớp QT1701K
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

Hải Phòng – 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thu Hà

Mã SV: 1312401107

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.
- Số liệu về kinh doanh của công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Đức Kiên

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp
 - Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam
 - Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	5
1.3.1. Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế của chi phí).....	5
1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế).....	6
1.3.3. Phân loại chi phí theo quan hệ với quá trình sản xuất.....	6
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	7
1.4.1. Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành.	7
1.4.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.	7
1.5.Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.....	8
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	8
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	9
1.5.3. Kỳ tính giá thành.....	10
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	10
1.6.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất:.....	10
1.6.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất:.....	11
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	11
1.7.1. Phương pháp giản đơn (trực tiếp).....	11
1.7.1.1. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn trong trường hợp phân xưởng có quy trình công nghệ chỉ tạo ra một số loại sản phẩm:.....	11
1.7.1.2. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn trong trường hợp phân xưởng có quy trình công nghệ tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm:.....	12
1.7.2. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp hệ số:.....	13
1.7.3. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ:.....	13
1.7.4. Phương pháp loại trừ.....	14
1.7.5. Phương pháp phân bước.....	15
1.7.5.1. Cách tính giá thành sản phẩm theo phương án kết chuyển tuần tự từng khoản mục chi phí (phương án tính giá thành thành phẩm có tính giá thành bán thành phẩm).....	15

1.7.5.2. Cách tính giá thành sản phẩm theo phương án kết chuyển song song chi phí (phương án tính giá thành thành phẩm không có tính giá thành bán thành phẩm).....	16
1.7.6. Phương pháp đơn đặt hàng.....	16
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang	17
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu chính hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	17
1.8.1.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.	17
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.	17
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.	18
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc chi phí kế hoạch.	18
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm	18
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	18
1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.	20
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp.....	21
1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung.	22
1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất.....	25
1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.....	26
1.9.2.1. Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu	26
1.9.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	27
1.9.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung	27
1.9.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất.....	27
1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	29
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.	31
1.11.1. Hình thức “ Nhật kí chung”	31
1.11.2. Hình thức “ Nhật kí sổ cái”	32
1.11.3. Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”	32
1.11.4. Hình thức “Nhật ký – chứng từ”	33

1.11.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM.....	35
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	35
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	35
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	37
2.1.3. Đặc điểm của tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	38
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	42
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại của chi phí sản xuất	42
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	43
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm	43
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.....	44
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	44
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	58
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	70
2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất chung, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	77
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM.....	86
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.....	86
3.1.1. Ưu điểm.....	86
3.1.2. Nhược điểm:.....	86
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	87

3.3.Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm.....	88
3.4.Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm	88
3.4.1. Kiến nghị 1: Công ty nên hạch toán thiệt hại trong quá trình sản xuất.	88
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc trích trước lương phép của công nhân trực tiếp sản xuất của công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.....	90
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào qua trình hạch toán tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	92
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.	96
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của C.Ty TNHH FRONTIER Việt Nam	35
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT 0000154	45
Biểu 2.3: Ủy nhiệm chi	46
Biểu 2.4: Giấy báo nợ	47
Biểu 2.5: Phiếu nhập kho số PN02	48
Biểu 2.6: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	49
Biểu 2.7: Lệnh sản xuất số 01/12	50
Biểu 2.8: Phiếu xuất kho số 02	51
Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 03	52
Biểu 2.10: Bảng kê chứng từ xuất kho	53
Biểu 2.11: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621	55
Biểu 2.12: Trích Sổ nhật ký chung	56
Biểu 2.13: Sổ cái TK 621	57
Biểu 2.14: Bảng chấm công	60
Biểu 2.15: Bảng thanh toán lương	62
Biểu 2.16: Bảng trích theo lương	63
Biểu 2.17: Bảng tổng hợp lương	64
Biểu 2.18: Bảng trích theo lương	65
Biểu 2.19: Bảng phân bổ lương	66
Biểu 2.20: Trích sổ Nhật ký chung	67
Biểu 2.21: Sổ cái TK 622	68
Biểu 2.22: Bảng phân bổ chi phí trả trước	70
Biểu 2.23: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	72
Biểu 2.24: Trích sổ Nhật ký chung	74
Biểu 2.25: Sổ cái TK 625	76
Biểu 2.26: Bảng phân bổ chi phí	77
Biểu 2.27: Phiếu kế toán	78
Biểu 2.28: Nhật ký chung	79
Biểu 2.29: Sổ cái TK 154	80
Biểu 2.30: Thẻ tính giá thành sản phẩm	82
Biểu 2.31: Phiếu nhập kho	83
Biểu 2.32: Nhật ký chung	84
Biểu 2.33: Sổ cái TK 154	85

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	20
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	21
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung	24
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	27
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm.....	28
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung.....	31
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – sổ cái	32
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ	33
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chứng từ	33
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy	34
Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất giấy của công ty Frontier Việt Nam	37
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy công ty TNHH Frontier Việt Nam	38
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ phận kế toán của công ty TNHH Frontier Việt Nam	40
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức nhật kí chung tại Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	42
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được kiến nghị với công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	89
Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được được kiến nghị với công ty TNHH FRONTIER Việt Nam	90

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

1.	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2.	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3.	BHYT	Bảo hiểm y tế
4.	BTP	Bán thành phẩm
4.	BCTC	Báo cáo tài chính
6.	CCDC	Công cụ dụng cụ
7.	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
8.	CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
9.	CPSX	Chi phí sản xuất
10.	CPSXC	Chi phí sản xuất chung
11.	CPSXDDđk	Chi phí sản xuất dở dang đầu kì
12.	HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
13.	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
14.	NVL	Nguyên vật liệu
15.	PNK	Phiếu nhập kho
16.	PXK	Phiếu xuất kho
17.	SPDD	Sản phẩm dở dang
18.	SL SPDDck	Số lượng sản phẩm dở dang cuối kì
19.	SCSPH	Sửa chữa sản phẩm hỏng
20.	TK	Tài khoản
21	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
22.	TSCĐ	Tài sản cố định

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Nền kinh tế hiện nay là một nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, đặc biệt trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế thì các doanh nghiệp ngày càng có sự cạnh tranh rõ rệt. Chính vì thế muốn tồn tại và phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải biết tự chủ, năng động trong việc tổ chức quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh từ việc đầu tư, sử dụng vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm, phải biết tận dụng năng lực, cơ hội để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn. Và để làm được những điều trên thì doanh nghiệp cần tăng cường, làm tốt công tác kế toán chi phí và giá thành sản phẩm. Nếu tiết kiệm được chi phí sản xuất và hạ được giá thành sản phẩm, thì sẽ nâng cao được lợi nhuận, mở rộng được quy mô, giúp doanh nghiệp tạo được chỗ đứng trong thị trường ngày càng khốc liệt này. Chính vì thế kế toán cần phản ánh chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy chế độ quy định và đúng phương pháp sẽ giúp cho cán bộ doanh nghiệp đưa ra được những biện pháp cụ thể để tiết kiệm chi phí cho từng bộ phận và hạ được giá thành sản phẩm. Vì vậy kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được sự quan trọng này và trong quá trình thực tập tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam, cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên và các cô chú trong phòng kế toán tại cơ sở thực tập em đã đi sâu nghiên cứu đề tài tốt nghiệp: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam”**.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

* Đối tượng nghiên cứu

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài được thực hiện tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.
- Số liệu được lấy chủ yếu trong năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận.

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm có 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Trong bất cứ hình thái kinh tế xã hội nào thì việc sản xuất đều phải gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Đó là tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp là quá trình người lao động sử dụng tư liệu lao động vào đối tượng lao động chế tạo ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của xã hội. Vì thế sự hình thành nên các chi phí sản xuất để tạo ra giá trị sản phẩm sản xuất là tất yếu khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người sản xuất.

Quá trình sản xuất kinh doanh là sự kết hợp của 3 yếu tố: lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. Để tồn tại và phát triển thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được duy trì liên tục, ngoài các yếu tố trên còn phải đầu tư cho các khoản chi phí nhất định khác như chi phí dịch vụ,... Các khoản chi phí đó phát sinh một cách thường xuyên, luôn vận động và thay đổi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, để đáp ứng nhu cầu quản lý chi phí, những hao phí doanh nghiệp đã chi ra đều được biểu hiện qua thước đo giá trị hay còn gọi là thước đo tiền tệ.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp chi ra cho sản xuất trong một thời kì.

Hay nói cách khác, chi phí sản xuất là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc chế tạo ra sản phẩm trong một thời kì nhất định.

Tuy nhiên doanh nghiệp cũng cần phải phân biệt giữa chi phí sản xuất và chi tiêu của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất là những khoản chi có liên quan trực tiếp đến sản xuất ra sản phẩm trong một kì. Trong khi đó không phải tất cả các khoản chi tiêu đều phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm trong kì đó. Các khoản chi tiêu trong kì vào việc mua sắm tài sản cố định hoặc mua sắm vật tư dự trữ trong kho cho nhiều kỳ sản xuất, không đồng nghĩa chi phí sản xuất trong kì đó. Chính vì vậy

doanh nghiệp nên xác định đúng đắn để giảm thiểu sai sót không đáng có cho công ty.

Về bản chất chi phí sản xuất dưới từng góc độ nghiên cứu như sau:

- Đối với các nhà kế toán tài chính thì chi phí sản xuất là những khoản chi phí gắn liền với phân xưởng.

- Đối với các nhà kế toán quản trị thì chi phí sản xuất là những khoản chi phí phát sinh theo chuỗi các hoạt động trong khâu sản xuất, bắt đầu bằng việc cung ứng nguyên liệu, và kết thúc bằng việc hoàn thành sản phẩm sẵn sàng đưa vào kho chứa với tên gọi là thành phẩm. Chi phí đóng gói là chi phí sản xuất khi chúng liên quan với quá trình đóng gói “ban đầu”(hộp, giấy bọc, v.v...).

- Đối với các nhà kinh tế học thì chi phí sản xuất là phí tổn phải chịu khi sản xuất sản phẩm trong kì.

- Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp: chi phí sản xuất là khoản bỏ ra mua yếu tố cần thiết phục vụ quá trình sản xuất và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

* Bản chất của giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Hay nói cách khác giá thành sản phẩm là toàn bộ chi phí sản xuất chi ra để sản xuất một đơn vị sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng sử dụng các nguồn lực, công nghệ và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Hạch toán giá thành sản phẩm là tính toán, xác định chuyển dịch các yếu tố vật chất tham gia khối lượng sản phẩm vừa ra khỏi quá trình sản xuất và tiêu thụ nhằm mục đích thực hiện chức năng của giá thành sản phẩm.

Tính giá thành sản phẩm là việc phân bổ, tổng hợp chi phí sản xuất đã phản ánh ở các đối tượng chịu chi phí cho khối lượng sản phẩm hoàn thành.

* Chức năng của giá thành sản phẩm:

- Chức năng lập giá: giá cả là biểu hiện mặt giá trị của sản phẩm, chứa đựng trong đó nội dung bù đắp hao phí vật dùng để sản xuất và tiêu thụ của sản phẩm vì vậy phải căn cứ vào giá thành mới xây dựng được giá cả.

- Chức năng thước đo bù đắp chi phí: giá thành biểu hiện cho những hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Những hao phí đó cần được bù đắp đầy đủ trong quá trình tái sản xuất, hay nói cách khác là tiêu thụ sản phẩm và thu lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Chức năng đòn bẩy kinh tế: giá thành sản phẩm trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường sản xuất, và hiệu quả kinh doanh trong điều kiện cơ chế thị trường như hiện nay.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất

1.3.1. Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế của chi phí)

Theo cách phân loại này người ta sắp xếp các chi phí sản xuất có cùng nội dung kinh tế vào cùng một nhóm, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực nào, mục tiêu và tác dụng của nó ra sao. Theo đó chi phí sản xuất được phân chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ...

- Chi phí nhân công: Bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương theo quy định phát sinh trong kỳ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Là toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải chi trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: tiền điện, nước, điện thoại...

- Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngoài các yếu tố nêu trên.

Cách phân loại này cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất dùng để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ lập bản thuyết minh báo cáo tài chính (phần chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố),

cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập dự toán chi phí cho kỳ sau.

1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế)

Theo cách phân loại này những chi phí có cùng mục đích và công dụng kinh tế sẽ được xếp vào một loại gọi là các khoản mục chi phí.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất, không trích vào khoản mục này số tiền lương, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất chung, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng.

- Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất ngoài hai khoản mục trực tiếp nêu trên. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN của quản đốc, nhân viên phân xưởng tại bộ phận sản xuất.

+ Chi phí vật liệu: gồm vật liệu các loại sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của phân xưởng sản xuất.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm số khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính sử dụng ở phân xưởng sản xuất.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.

+ Chi phí khác bằng tiền: gồm các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản kể trên sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.3.3. Phân loại chi phí theo quan hệ với quá trình sản xuất

Khi phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quá trình sản xuất, tổng hợp chi phí sản xuất được chia thành chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi.

- Chi phí ban đầu gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí ban đầu phản ánh mức chi phí chủ yếu gắn liền với sản phẩm, là cơ sở để tính toán chi phí và giá bán cho những đơn đặt hàng ngoài kế hoạch, khi lượng tiêu thụ kế hoạch đã vượt qua điểm hòa vốn.

- Chi phí chuyển đổi gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Chi phí chuyển đổi phản ánh mức chi phí cần thiết để chế biến nguyên vật liệu thành thành phẩm, là cơ sở để tính toán lượng chi phí cần thiết để chế biến một lượng nguyên vật liệu sẵn có thành thành phẩm.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm

1.4.1. Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành.

Giá thành kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính toán giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành của doanh nghiệp.

Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức được thực hiện trước khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác kết quả sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Đó là căn cứ quản lý quan trọng, tạo cơ sở cho việc đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của giải pháp kinh tế kỹ thuật đã áp dụng.

Giá thành thực tế: Là giá thành sản phẩm tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ với số lượng thực tế sản xuất được. Khác với 2 loại giá thành trên, giá thành thực tế chỉ được tính toán sau khi quá trình sản xuất đã hoàn thành.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán, từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức cho phù hợp.

1.4.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.

Giá thành sản xuất: Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất gồm: CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC. Giá thành sản xuất là cơ sở để xác định giá vốn khi doanh nghiệp tiến hành tiêu thụ sản phẩm.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{tế sản xuất của} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{sản phẩm} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Giá thành toàn bộ: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành toàn bộ chỉ được tính toán khi sản phẩm được xác định là tiêu thụ, đồng thời nó là căn cứ để xác định giá bán và thu nhập trước thuế của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & = & \text{Giá thành} & + & \text{Chi phí quản lý} & + & \text{Chi phí bán hàng} \\ \text{toàn bộ} & & \text{sản xuất} & & \text{doanh nghiệp} & & \end{array}$$

Cách phân loại này giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh (lãi lỗ) của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên, do hạn chế nhất định nên cách phân loại này chỉ mang ý nghĩa nghiên cứu, ít được áp dụng.

Tóm lại: Việc phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là cơ sở để tiến hành các biện pháp quản lý chi phí có hiệu quả, vạch rõ nhân tố cụ thể tăng giảm giá thành, là cơ sở đầu tiên cho hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Khái niệm: Đối tượng kế toán chi phí là phạm vi hoặc giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho việc kiểm tra và tính giá thành sản xuất.

Tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng của kế toán chi phí sản xuất (trong phạm vi hoặc giới hạn cần tập hợp chi phí) trong doanh nghiệp có thể là:

- Từng chi tiết, bộ phận của sản phẩm, từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm hay từng đơn đặt hàng.
- Từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ sản xuất.

- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, hoặc toàn doanh nghiệp.

Căn cứ để xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:

- Yêu cầu quản lý và đối tượng tính giá.

- Loại hình sản xuất của doanh nghiệp.

- Tính chất, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất và phương pháp sản xuất sản phẩm.

- Đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm.

- Khả năng, trình độ nghiệp vụ của nhân viên kế toán và phương tiện kỹ thuật tính toán được trang bị.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Khái niệm: Đối tượng tính giá thành là sản phẩm đã hoàn thành cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Đơn vị tính giá thành phải được thừa nhận trong nền kinh tế, thí dụ: Trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo – đối tượng tính giá là một cái máy, trong doanh nghiệp dệt – đối tượng tính giá có thể là một ký sợi, một mét vải mộc hay mét vải thành phẩm...

Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành:

- Mặt hàng sản phẩm sản xuất theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Tính chất, đặc điểm của quy trình công nghệ và phương pháp sản xuất sản phẩm (Quy trình sản xuất giản đơn: đối tượng tính giá thành là sản phẩm đã hoàn thành khi kết thúc quá trình sản xuất; Quy trình công nghệ phức tạp: đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn, và thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng.

- Yêu cầu quản lý, trình độ nhân viên kế toán; phương tiện kỹ thuật tính toán.

Mối quan hệ giữa đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm:

- Đối tượng tính giá thành có thể phù hợp với đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

- Đối tượng tính giá thành có thể được tổng hợp từ nhiều đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

- Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

Tìm hiểu mối quan hệ giữa đối tượng tính giá thành và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, để lựa chọn áp dụng các phương pháp tính giá thành khác nhau cho phù hợp với phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.

1.5.3. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành: là thời kì cần tính giá thành, trong thực tế thì kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý, năm,..

- Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng.

- Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành (trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo).

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1. Trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất:

Bước 1: Mở sổ (hoặc thẻ) hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, sản phẩm...). Sổ được mở riêng cho từng tài khoản 621,622, 627, 154, ... Căn cứ để ghi vào sổ là sổ chi tiết các tài khoản tháng trước và các chứng từ gốc, các bảng phân bổ (tiền lương, BHXH, vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao,...), bảng kê chi phí dự toán. Sổ có thể mở riêng cho từng đối tượng hoặc mở chung cho nhiều đối tượng.

Bước 2: Tập hợp chi phí phát sinh trong kì có liên quan đến từng đối tượng hạch toán.

Bước 3: Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh theo nội dung thuộc từng đối tượng hạch toán vào cuối kỳ làm cơ sở cho việc tính giá thành. Đồng thời, lập thẻ tính giá thành từng loại sản phẩm theo từng loại, căn cứ để lập thẻ tính giá thành

sản phẩm kỳ trước, sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này và biên bản kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ cùng với bảng kê khai khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ.

1.6.2. Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất:

Bước 1: tập hợp các chi phí liên quan trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng.

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo từng phương pháp hạch toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung, phương thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành là phương pháp sử dụng các số liệu mà kế toán đã tập hợp được để tính giá thành thực tế sản phẩm công việc đã hoàn thành theo khoản mục đã quy định và đối tượng tính giá thành. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành chủ yếu phụ thuộc vào đặc điểm về đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Sau đây là một số phương pháp thường được sử dụng:

1.7.1. Phương pháp giản đơn (trực tiếp)

1.7.1.1. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn trong trường hợp phân xưởng có quy trình công nghệ chỉ tạo ra một số loại sản phẩm:

Trong trường hợp này, kế toán theo dõi riêng từng khoản mục chi phí sản xuất phát sinh, cuối kỳ tiến hành tính toán và xác định giá thành sản phẩm theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Tổng chi phí} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{phẩm dở dang} & + & \text{sản xuất phát sinh} & - & \text{phẩm dở dang} \\ \text{hoàn thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

- Cuối kỳ kế toán chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh.

- Cuối cùng, kế toán tiến hành lập Phiếu tính giá thành sản phẩm.

1.7.1.2. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn trong trường hợp phân xưởng có quy trình công nghệ tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm:

a) Trường hợp chỉ phân bổ chi phí sản xuất chung:

Trường hợp quy trình công nghệ sản xuất giản đơn tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm chính, mà các chi phí trực tiếp (gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp) tách ra từ đầu quy trình công nghệ cho từng loại sản phẩm, còn chi phí sản xuất chung không thể tách ra từ đầu cho từng loại sản phẩm. Theo đó, cuối kỳ, trước khi kết chuyển các chi phí sản xuất phát sinh và tính giá thành từng loại sản phẩm hoàn thành, kế toán cần phải phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức phù hợp (theo chi phí tiền lương nhân công trực tiếp sản xuất, hoặc theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, hoặc theo chi phí nguyên vật liệu chính,..). Mặt khác, kế toán tiến hành xác định chi phí sản xuất dở dang, các khoản điều chỉnh giảm giá thành (nếu có) cho từng loại sản phẩm riêng biệt. Sau đó, kế toán tiến hành tính toán và tính giá thành từng loại sản phẩm, giống như trường hợp quy trình công nghệ sản xuất giản đơn tạo ra một loại sản phẩm như trình bày ở trên.

Cuối cùng lập phiếu tính giá thành từng loại sản phẩm

b) Trường hợp cả ba khoản mục chi phí sản xuất không tách ra được cho từng loại sản phẩm:

Kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất và xác định tổng giá thành của toàn bộ nhóm sản phẩm sản xuất trong kỳ, giống như phương pháp tính giá thành của sản phẩm hoàn thành trong quy trình công nghệ giản đơn một sản phẩm.

1.7.2. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp hệ số:

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm chính và giữa chúng có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm chuẩn- sản phẩm có hệ số 1 được coi là sản phẩm chuẩn). Mặt khác, mặt khác các sản phẩm chính này có mối quan hệ tương đối độc lập với nhau.

Đặc điểm tổ chức kế toán: đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm, đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm.

Các bước thực hiện như sau:

$$Q_0 = \sum_{i=1}^n Q_i \times H_i$$

Trong đó Q_0 : Tổng số sản phẩm gốc đã quy đổi

Q_i : Số lượng sản phẩm i ($i = 1, n$)

H_i : Hệ số quy đổi sản phẩm i ($i = 1, n$)

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm tiêu chuẩn}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị của từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn} \times \text{Hệ số quy đổi của từng loại sản phẩm}$$

Lưu ý: Để có cơ sở số liệu phục vụ lập Phiếu tính giá thành sản phẩm, kế toán cần tiến hành xác định giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn; hệ số quy đổi tính giá thành theo từng khoản mục chi phí, để có tính giá thành thực tế của từng loại sản phẩm theo từng khoản mục chi phí có liên quan.

1.7.3. Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này được áp dụng khi trong một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính, nhưng giữa chúng lại không có hệ số quy đổi, và giữa chúng có mối quan hệ theo cách phân loại thành nhiều thứ hạng thành phẩm (thí dụ như gạch, cát, đá, xi măng...) Theo đó, kế toán phải xác định tỷ lệ tính giá thành giữa tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch (hoặc giá thành định mức) để qua đó xác định giá thành cho từng loại sản phẩm.

Đặc điểm tổ chức kế toán: đối tượng hạch toán chi phí là nhóm sản phẩm, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

$$\text{Tỷ lệ tính giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch (hoặc định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\text{Giá thành thực tế của từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành kế hoạch (hoặc định mức) của từng loại sản phẩm} \times \text{Tỷ lệ giá thành}$$

$$\text{Giá thành kế hoạch (hoặc định mức) của từng loại sản phẩm} = \text{Số lượng từng loại sản phẩm} \times \text{Giá thành đơn vị kế hoạch (hoặc giá thành định mức) của từng loại sản phẩm.}$$

Lưu ý: Để có cơ sở số liệu phục vụ lập phiếu tính giá thành sản phẩm, kế toán cần tiến hành xác định tỷ lệ tính giá thành theo từng khoản mục chi phí, để có thể tính giá thành thực tế của từng loại sản phẩm theo từng khoản mục chi phí liên quan.

Cuối cùng lập phiếu tính giá thành từng loại sản phẩm

1.7.4. Phương pháp loại trừ

Phương pháp này thường được áp dụng trong doanh nghiệp sản xuất có quy trình công nghệ sản xuất, mà kết quả sản xuất bên cạnh tạo ra sản phẩm chính đồng thời thu được sản phẩm phụ.

Lúc này sản phẩm phụ không là đối tượng tính giá thành và được đánh giá theo giá quy định (thường được xác định theo giá thành kế hoạch hoặc doanh thu định mức).

Theo phương pháp này, tổng giá thành của loại sản phẩm chính được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành} \\ = \\ \text{Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} \\ + \\ \text{Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ - \\ \text{Giá trị SP phụ thu hồi được} \end{array}$$

Trong đó:

- Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ: là chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ của sản phẩm chính.
- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ: là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ tính trên cả nhóm sản phẩm gồm sản phẩm chính và sản phẩm phụ.
- Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ: là chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ của SP chính.
- Giá trị SP phụ thu hồi được: thường được xác định theo giá kế hoạch hoặc doanh thu định mức.

Cuối cùng lập phiếu tính giá thành sản phẩm giống

1.7.5. Phương pháp phân bước

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp.

Có hai phương án để tính giá thành theo phương pháp phân bước

1.7.5.1. Cách tính giá thành sản phẩm theo phương án kết chuyển toàn bộ từng khoản mục chi phí (phương án tính giá thành thành phẩm có tính giá thành bán thành phẩm)

- Điều kiện áp dụng:
 - + Có một phần bán thành phẩm được bán ra bên ngoài.
 - + Hoặc có quy trình công nghệ chế biến quá phức tạp, nếu không tính giá thành bán thành phẩm, thì việc tính giá thành thành phẩm không phản ánh đầy đủ chi phí thực tế cấu thành.
- Công thức tính giá thành sản phẩm của các giai đoạn sản xuất như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng Z BTP} & & \text{CPSX dở} & & \text{CPSX phát} & & \text{CPSX dở} \\ \text{GD1(2,3,..)} & = & \text{dang} & + & \text{sinh trong} & - & \text{dang} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ GD} & & \text{cuối kỳ} \\ & & 1(2,3,..) & & 1(2,3,..) & & 1(2,3,..) \end{array}$$

Chú ý:

- CPSX phát sinh trong giai đoạn 2 bao gồm chi phí giai đoạn 1 chuyển sang và chi phí sản xuất phát sinh ở giai đoạn 2.

- Giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng (GĐn) = Z
BTP GĐ (n-1) + CP chế biến GĐn

1.7.5.2. Cách tính giá thành sản phẩm theo phương án kết chuyển song song chi phí (phương án tính giá thành thành phẩm không có tính giá thành bán thành phẩm)

- Đặc điểm của phương án này là không tính giá thành bán thành phẩm hoàn thành sau mỗi giai đoạn công nghệ, hoặc nói cách khác là giá thành bán thành phẩm không di chuyển cùng với bán thành phẩm từ giai đoạn công nghệ này sang giai đoạn công nghệ tiếp theo. Chi phí sản xuất phát sinh trong mỗi giai đoạn công nghệ được kết chuyển vào giá thành sản thành phẩm hoàn thành một cách song song.

- Công thức tính giá thành sản phẩm hoàn thành như sau:

$$\text{Tổng Z thực tế thành phẩm} = \begin{array}{c} \text{CP của} \\ \text{bước 1} \\ \text{trong Z} \\ \text{thành phẩm} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CP của} \\ \text{bước 2} \\ \text{trong Z} \\ \text{thành phẩm} \end{array} + \dots + \begin{array}{c} \text{CP của bước n} \\ \text{trong Z thành} \\ \text{phẩm} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \text{Chi phí của} \\ \text{bước 1} \\ \text{trong Z} \\ \text{thành phẩm} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{CPSXDDđk của bước 1} \\ + \\ \text{CPSX phát sinh} \\ \text{trong bước 1} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng thành phẩm} \\ + \\ \text{SL SPDDck} \\ \text{bước 1} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{Số lượng} \\ \text{thành} \\ \text{phẩm} \end{array}$$

- Tính tương tự cho chi phí của bước 2,3,...,n

1.7.6. Phương pháp đơn đặt hàng

- Đặc điểm của việc tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh đều được tập hợp theo từng đơn đặt hàng của khách hàng.

- Đối với chi phí cơ bản liên quan đến đơn đặt hàng nào thì sẽ được tập hợp trực tiếp tới đơn đặt hàng đó theo chứng từ gốc hay bảng phân bổ chi phí. Còn với

chi phí sản xuất chung, sau khi tập hợp chung sẽ được phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo những tiêu thức phù hợp.

- Việc tính giá thành chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không trùng với kì báo cáo. Những đơn đặt hàng chưa hoàn thành ở cuối kỳ thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn đặt hàng đó sẽ là chi phí sản xuất dở dang được chuyển sang kỳ sau.

- Đơn đặt hàng hoàn thành:

$$\frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm của từng đơn đặt hàng}}{\text{Tổng CPSX thực tế tập hợp theo đơn đặt hàng}} =$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm của từng đơn đặt hàng}}{\text{Tổng số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu chính hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

1.8.1.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí NVL chính chiếm tỷ trọng lớn hơn trong giá thành sản phẩm, thông thường là >70%.

- Sản phẩm dở dang chỉ tính phần chi phí NVL chính, các chi phí khác được tính hết cho sản phẩm hoàn thành. NVL chính được xuất dùng toàn bộ ngay từ đầu quá trình sản xuất, và mức tiêu hao về nguyên vật liệu chính tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau.

$$\text{CP sản xuất dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ}} + \frac{\text{CP NVL chính thực tế sử dụng trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}$$

1.8.1.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Phương pháp này được vận dụng khi chi phí NVL trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong cấu thành giá thành sản phẩm; các loại vật dụng xuất sử dụng được chiếm đại bộ phận ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất. Cách thức tính toán cũng tương tự như khi đánh giá theo chi phí NVL chính nhưng thay vào đó là chi phí NVL trực tiếp.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

(1) *Xác định CPSX dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương với mức độ hoàn thành thực tế, và gắn liền với tất cả các khoản mục cấu thành giá thành sản phẩm:*

Trong CPSX dở dang bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí; từng khoản mục được xác định trên cơ sở quy đổi sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành theo mức độ hoàn thành thực tế.

$$\text{CP sản xuất dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành}} \times \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ quy đổi thành SP hoàn thành}$$

(2) *Xác định CPSX dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương nhưng chỉ tính đối với chi phí khác không phải là chi phí NVL chính (hoặc chi phí NVL trực tiếp). Chi phí NVL chính (hoặc chi phí NVL trực tiếp) được xác định có mức tiêu hao cho đơn vị sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành là như nhau.*

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.

Theo phương pháp này, chi phí NVL chính (chi phí NVL trực tiếp) tính cho đơn vị sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau, các chi phí khác còn gọi chung là chi phí chế biến tính cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành là 50%,

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc chi phí kế hoạch.

Theo phương pháp này, sản phẩm dở dang được đánh giá dựa vào định mức chi phí (chí phí kế hoạch) theo từng khoản mục chi phí và tỷ lệ hoàn thành sản phẩm. Điều này được xác định như sau:

$$\text{CPSX DD Cuối kỳ} = \frac{\sum \text{số lượng SP}}{\text{DD cuối kỳ}} \times \frac{\text{Tỷ lệ hoàn thành}}{\text{Định mức chi phí}}$$

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm toàn bộ chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp trong quy trình chế biến sản phẩm, như chi phí NVL chính, chi phí NVL phụ, nhiên liệu,...

a) Chứng từ sử dụng:

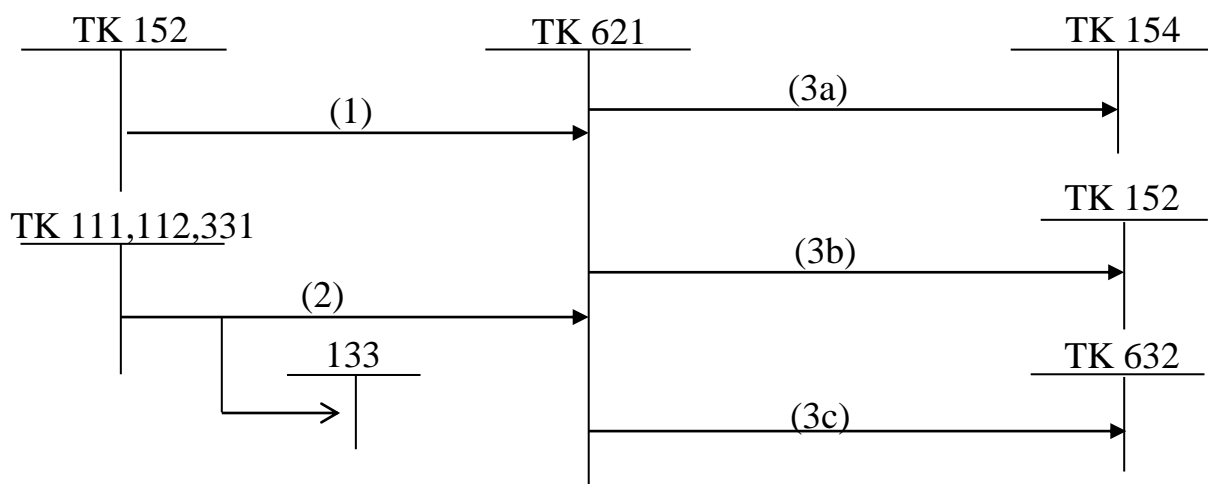
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ NVL.

b) Tài khoản sử dụng: TK 621 “chi phí NL, VL trực tiếp”

Bên Nợ	TK 621	Bên có
Số phát sinh tăng trong kì:		Số phát sinh giảm trong kì:
- Trị giá NVL xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm trong kỳ.		+ Trị giá NVL xuất dùng trực tiếp sử dụng không hết được nhập lại kho.
		+ Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632
		+ Kết chuyển hoặc phân bổ trị giá NVL thực sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kì vào bên Nợ TK154.

- Không có số dư cuối kỳ.
- TK được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí

c) Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- (1) Tập hợp chi phí NVL trực tiếp xuất từ kho.
- (2) Tập hợp chi phí NVL trực tiếp mua ngoài chuyên dùng trực tiếp sản xuất không nhập kho.
- (3a) Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp
- (3b) Vật liệu dùng không hết nhập kho
- (3c) Chi phí NVL trực tiếp vượt trên mức bình thường

1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương, tính vào chi phí sản xuất của người lao động trực tiếp thực hiện quy trình sản xuất như: kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

a) Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công
- Bảng chấm công làm thêm giờ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng thanh toán tiền thưởng
- Phiếu xác nhận sản phẩm, công việc hoàn thành
- Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ
- Bảng thanh toán tiền thuê ngoài

- (1) Tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp
- (2) Các khoản trích theo lương của nhân công trực tiếp phát sinh
- (3) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất
- (4a) Kết chuyên chi phí nhân công trực tiếp
- (4b) Chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường

1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung bao gồm tất cả các chi phí sản xuất ngoài hai khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí sản xuất chung thường bao gồm những mục chi phí sau:

- Chi phí nhân lao động gián tiếp, quản lý sản xuất tại phân xưởng.
- Chi phí nguyên vật liệu dùng cho máy móc thiết bị.
- Chi phí công cụ, dụng cụ dùng cho sản xuất.
- Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị, khấu hao tài sản cố định khác dùng cho sản xuất.
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ sản xuất như chi phí điện, nước, sửa chữa, bảo hiểm tài sản tại phân xưởng.

a) Chứng từ:

- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Hóa đơn dịch vụ.

b) Tài khoản: TK 627 “Chi phí sản xuất chung”

Bên Nợ

TK 627

Bên có

Số phát sinh tăng trong kì:

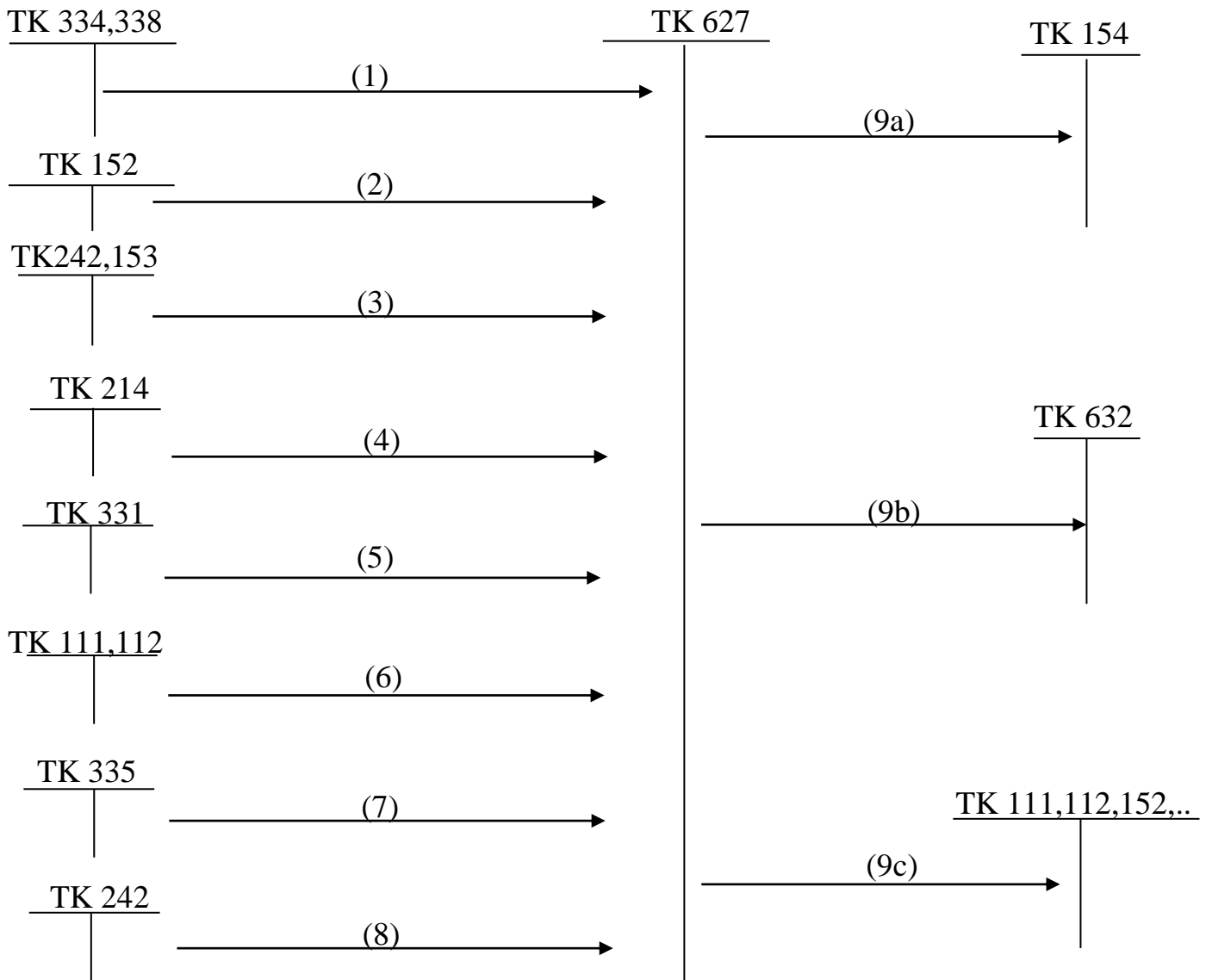
Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kì bao gồm: lương, phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca của công nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận đội sản xuất; khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động phân xưởng và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của phân xưởng sản xuất.

- Không có số dư cuối kì.
- TK được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí

Số phát sinh giảm trong kì:

- + Các khoản giảm chi phí sản xuất chung
- + Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản xuất thực tế sản xuất ra thấp hơn mức sản xuất thông thường.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất chung vào bên nợ Tài khoản 154.

c) Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung

- (1) Tiền lương và BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN
- (2) Chi phí nguyên vật liệu
- (3) Chi phí công cụ dụng cụ
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí thuê ngoài
- (6) Chi phí khác liên qua bằng tiền
- (7) Trích trước chi phí
- (8) Phân bổ chi phí sản xuất
- (9a) Phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tính giá
- (9b) Kết chuyển chi phí sản xuất chung (không phân bổ) vào giá vốn
- (9c) Các khoản thu hồi ghi giảm chi phí sản xuất chung

1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất.

a) Tài khoản sử dụng: TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Bên Nợ

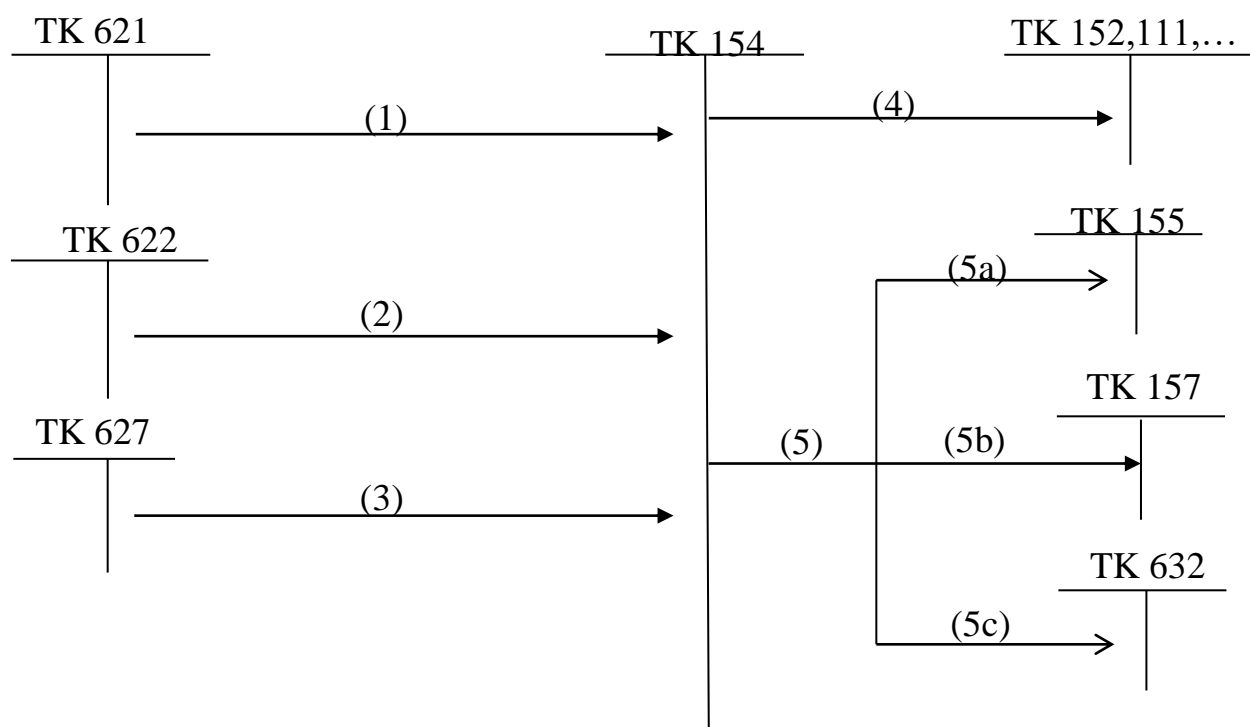
TK 154

Bên có

<p>- Số dự Nợ đầu kì: Chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ trước.</p> <p><i>Số phát sinh tăng trong kì:</i></p> <p>+ Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).</p>	<p><i>Số phát sinh giảm trong kì:</i></p> <p>+ Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho, chuyển đi bán, tiêu thụ ngay.</p> <p>+ Các khoản ghi giảm chi phí sản phẩm.</p>
<p>- Số dự Nợ cuối kì: Chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ này.</p>	

- TK được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí cho từng loại sản phẩm, chi tiết sản phẩm của các bộ phận sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ.

b) Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- (1) Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp
- (2) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp
- (3) Kết chuyển chi phí sản xuất chung
- (4) Các khoản ghi giảm chi phí
- (5) Giá thành
 - (5a) Nhập kho
 - (5b) Gửi bán
 - (5c) Tiêu thụ ngay

1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì.

1.9.2.1. Hạch toán chi phí nguyên, vật liệu

a) Tài khoản sử dụng: TK 621

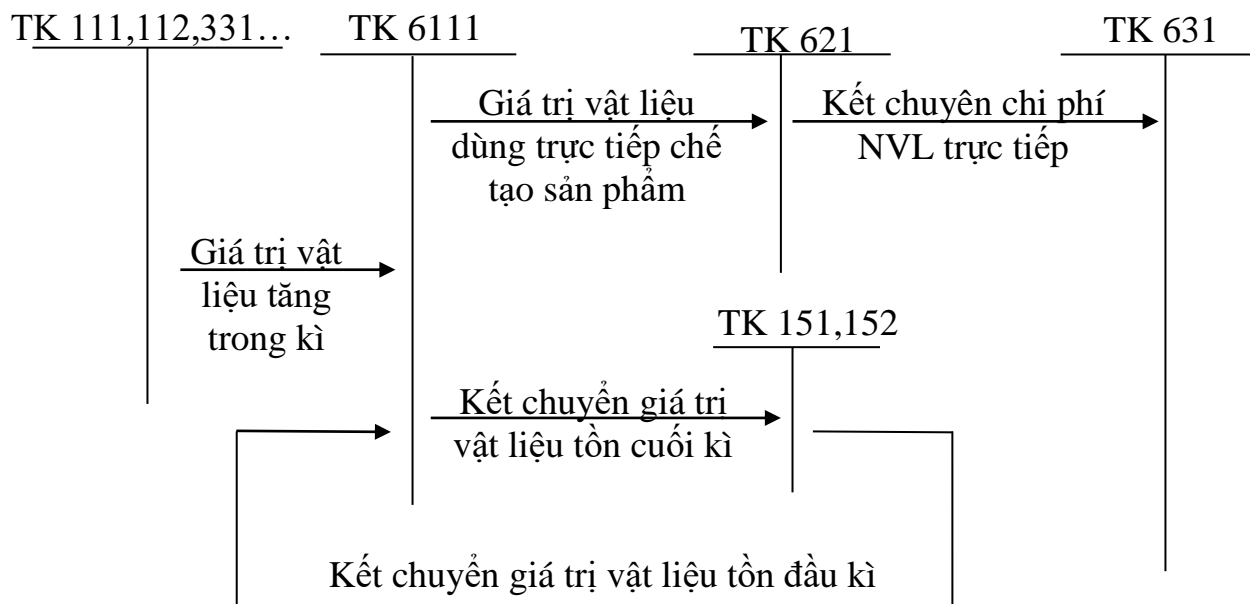
Nội dung phản ánh tài khoản 621 như sau:

- Các chi phí trên tài khoản 621 được ghi 1 lần vào cuối kì hạch toán sau khi kiểm kê và xác định được giá trị nguyên vật liệu tồn kho và đang đi đường.

- Số phát sinh bên Nợ: Giá trị vật liệu đã xuất dùng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Số phát sinh bên Có: Kết chuyển chi phí vật liệu vào giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ.

b) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.9.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản sử dụng và cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên. Cuối kỳ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ kế toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 631 theo từng đối tượng cụ thể.

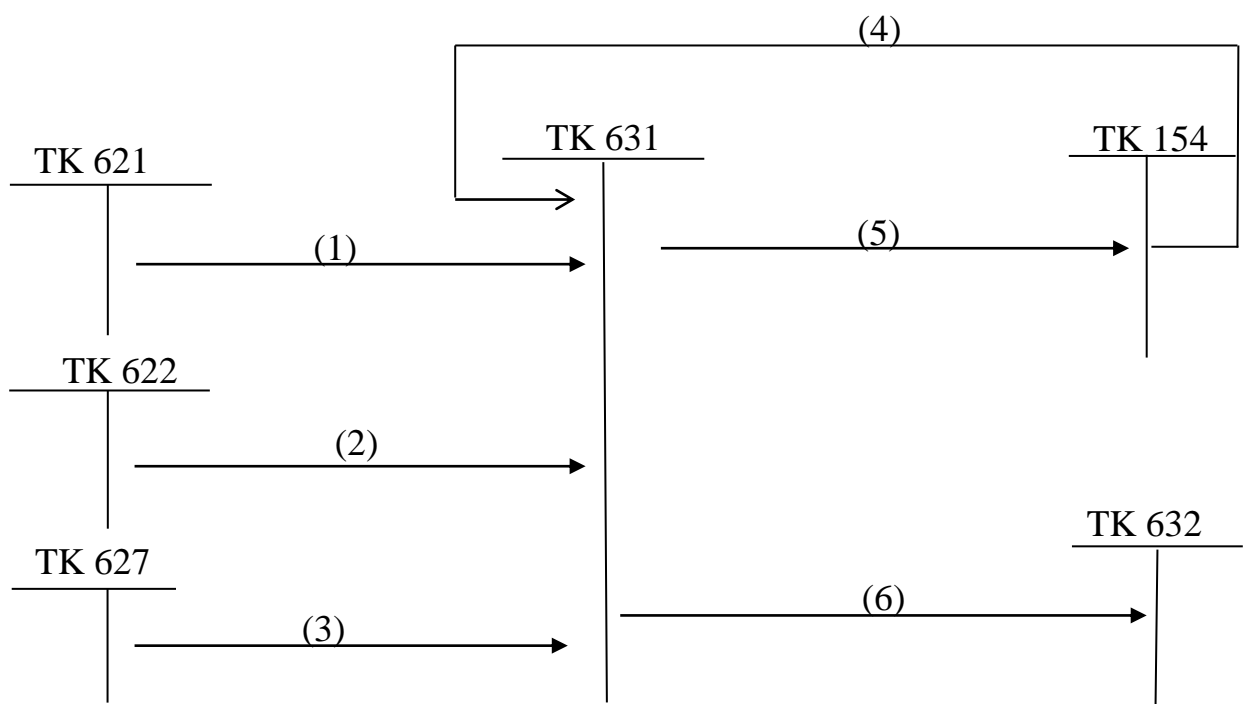
1.9.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung

Toàn bộ được tập hợp vào tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” và được chi tiết theo tài khoản cấp 2 tương ứng và tương tự như phương pháp kê khai thường xuyên, sau đó được phân bổ vào tài khoản 631 “giá thành sản xuất”, chi tiết từng đối tượng tính giá thành.

1.9.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất.

a) Tài khoản sử dụng: TK 631” Giá thành sản xuất”

- Không có số dư cuối kỳ.
 - TK được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí và theo loại, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm của từng bộ phận
 - Số phát sinh bên Nợ: phản ánh trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm.
 - Số phát sinh bên Có:
 - + Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.
 - + Tổng giá thành sản phẩm.
- b) Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm

- (1) Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp
- (2) Kết chuyển chi phí nhân công
- (3) Kết chuyển chi phí sản xuất chung
- (4) Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ
- (5) Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ
- (6) Tổng giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhập kho, gửi bán hay tiêu thụ trực tiếp

1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

a) Kế toán các khoản thiệt hại về sản phẩm hỏng

- Căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật, sản phẩm hỏng gồm:
 - + Sản phẩm hỏng sửa chữa được: là sản phẩm hỏng về kỹ thuật có thể sửa chữa được, chi phí sửa chữa không vượt quá chi phí chế tạo (giá thành) và có lợi ích kkinh tế
 - + Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: : là sản phẩm hỏng về kỹ thuật không thể sửa chữa được, chi phí sửa chữa vượt quá chi phí chế tạo mới sản phẩm.
- Căn cứ vào định mức, quan hệ với hạch toán lập kế hoạch:
 - + Sản phẩm hỏng trong định mức: là những sản phẩm hỏng không thể tránh khỏi trong quá trình sản xuất và các nhà quản lý đã dự kiến được.
 - + Sản phẩm hỏng ngoài định mức: là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến của nhà sản xuất không thể dự kiến trước được.

Thiệt hại sản phẩm hỏng = (Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng + Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được) – (Giá trị phế liệu thu hồi + khoản thu bồi thường của cá nhân, tập thể gây ra sản phẩm hỏng)

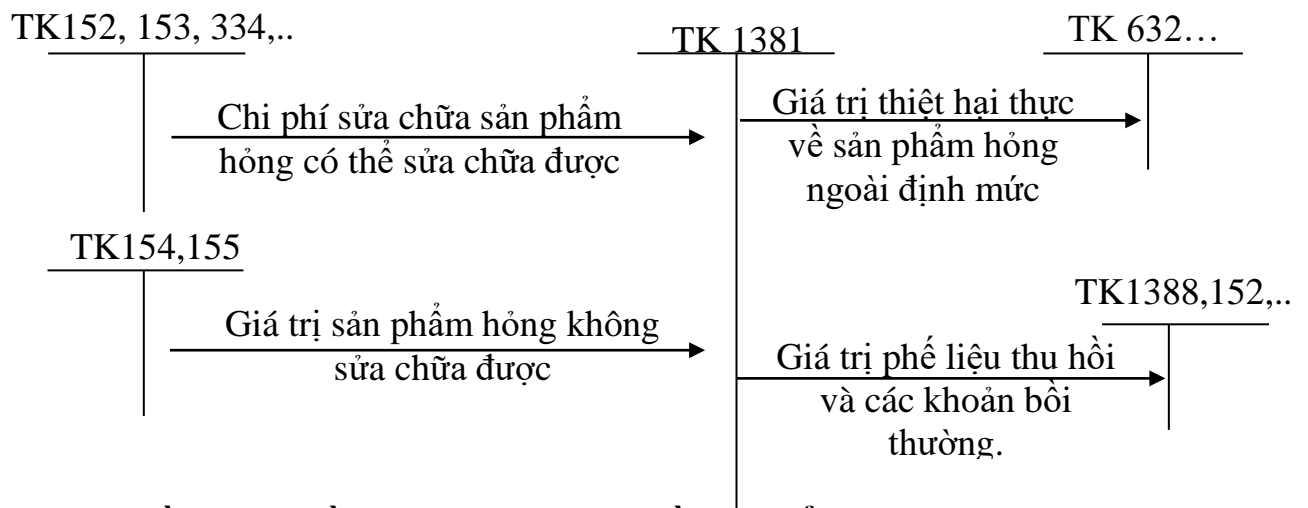
- Nguyên tắc hạch toán:

Thiệt hại sản phẩm hỏng trong định mức xem như chi phí sản xuất thành phẩm trong kì.

Thiệt hại sản phẩm hỏng ngoài định mức không được tính vào chi phí sản xuất, thường được xem là khoản phí tổn thời kì phải trừ vào doanh thu trong kì và được hạch toán vào giá vốn hàng bán.

- Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu báo cáo sản phẩm
- + Các chứng từ phản ánh chi phí sửa chữa (nếu là sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được).



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức

b) Kế toán khoản thiệt hại do ngừng sản xuất

Thiệt hại ngừng sản xuất là khoản thiệt hại xảy ra do việc đình trệ sản xuất trong một thời gian do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan.

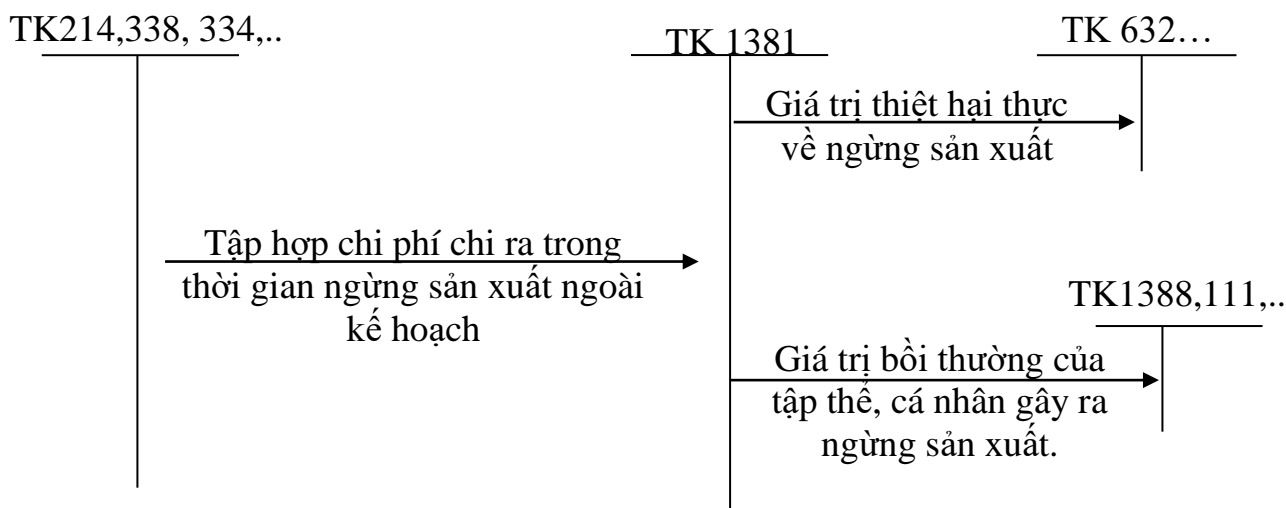
- Ngừng sản xuất có kế hoạch: là các trường hợp ngừng sản xuất doanh nghiệp dự kiến trước được thời gian, thời điểm ngừng sản xuất đã được lập kế hoạch chi phí trong thời gian ngừng sản xuất.

Chi phí dự tính phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất bao gồm;

- + Lượng phải trả bộ phận sản xuất trực tiếp, gián tiếp và các khoản trích bảo hiểm, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp.
- + Chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị, chi phí khấu hao..

- Ngừng sản xuất ngoài kế hoạch là các trường hợp sản xuất do nguyên nhân khách quan hay chủ quan doanh nghiệp không dự kiến trước được.

Với trường hợp ngừng sản xuất ngoài kế hoạch sẽ phát sinh các khoản chi phí vượt kế hoạch. Vì vậy, các khoản chi phí vượt trên mức bình thường được xem là chi phí thời kì, cả được tính trừ vào doanh thu trong kì để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán sẽ hạch toán các khoản thiệt hại này vào tài khoản giá vốn hàng bán, sau khi trừ các khoản thu bồi dưỡng.

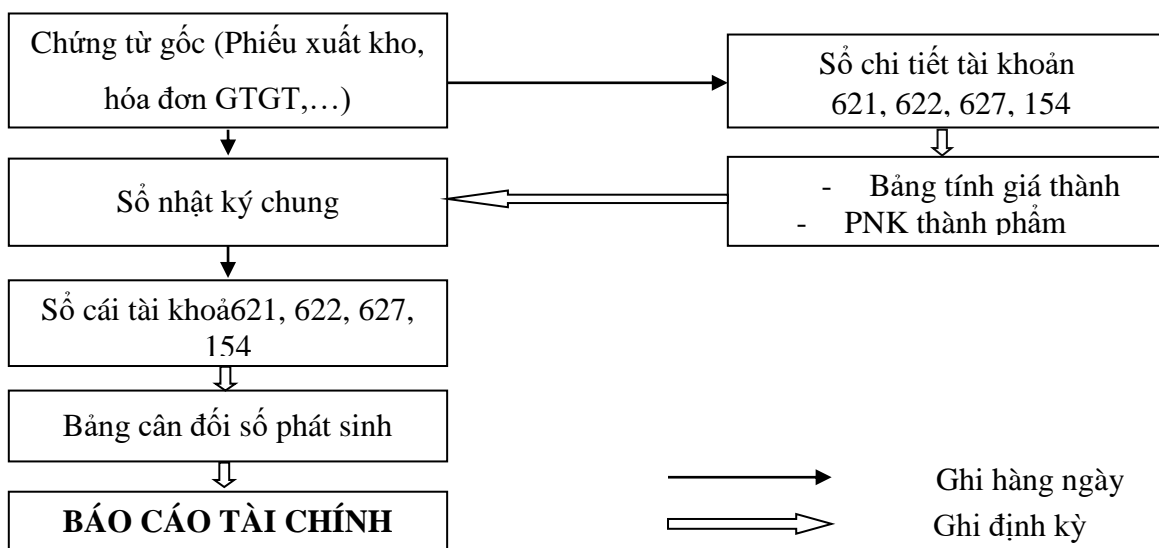


Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán tổng hợp thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch

1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.

1.11.1. Hình thức “Nhật kí chung”

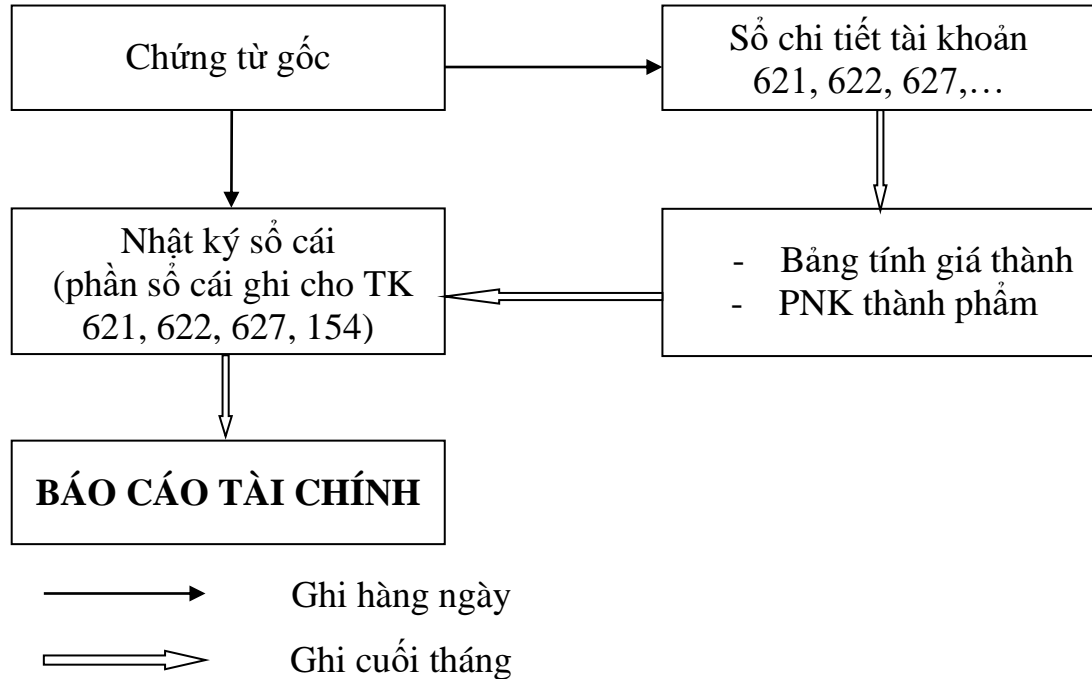
Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật kí chung là tất cả các nghiệp kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các nhật kí để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật kí chung.

1.11.2. Hình thức “ Nhật ký sổ cái”

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc được ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ cái.



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – sổ cái

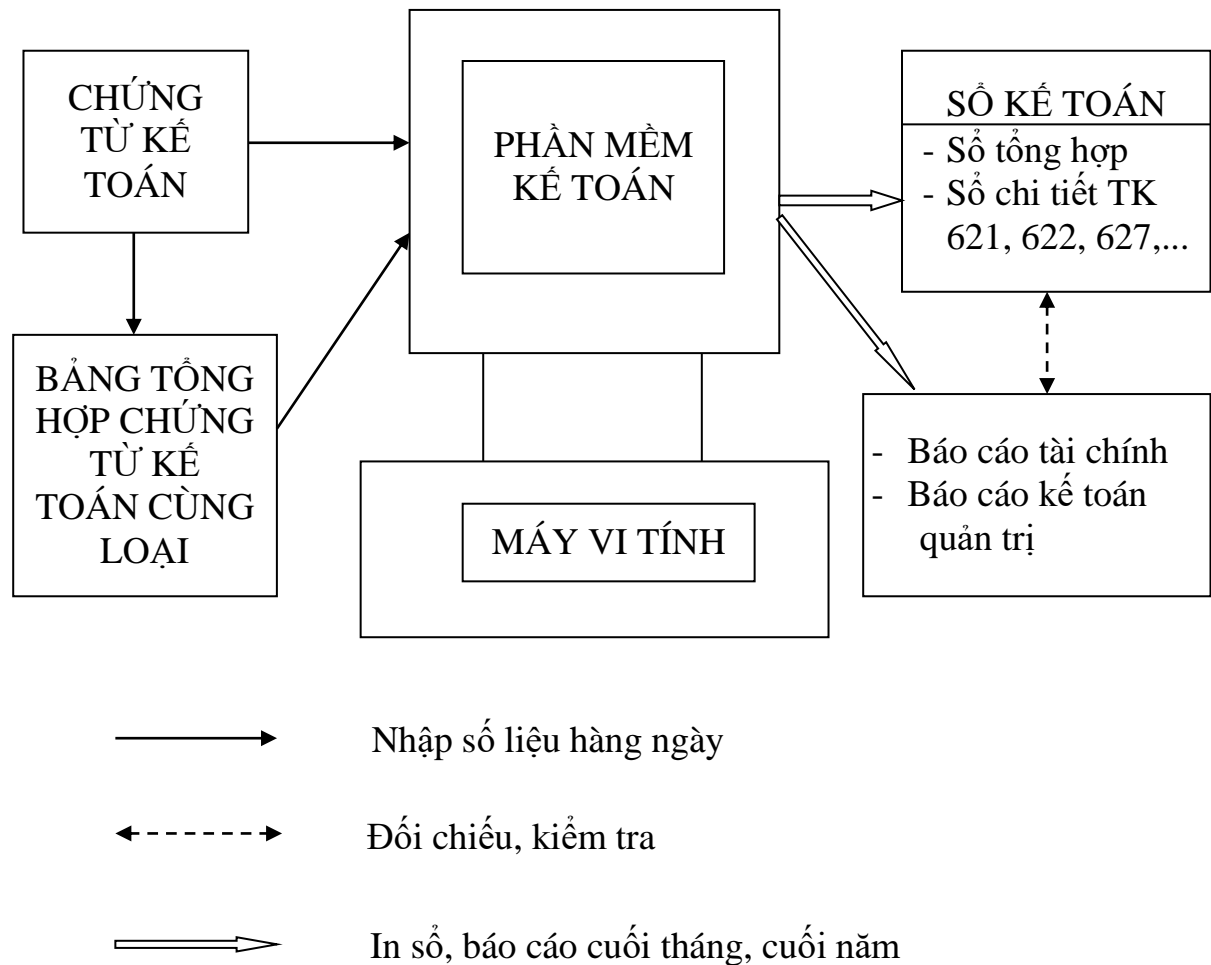
1.11.3. Hình thức “ Chứng từ ghi sổ”

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán tiến hành lập bảng chứng từ cùng loại. Kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó để ghi vào Sổ cái.

1.11.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế trên hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM****2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH FRONTIER Việt Nam**

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **FRONTIER VIETNAM Co. LTD**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM**
- Tên viết tắt: **FTV**

- Tel: 84 - 03203.726088/089 Fax : 84 - 03203.726198

- Mã số thuế: 0801037530

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái (Khu công nghiệp Nam Tài), Thị trấn Phú Thái, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

- Tổng vốn đầu tư: 43.000.000.000VND (*Bốn mươi ba tỷ đồng Việt Nam*), tương đương 2.000.000USD (*Hai triệu đô la Mỹ*). Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 06/4/2016: 22.000.000.000VND (*Hai mươi hai tỷ đồng Việt Nam*), tương đương 1.000.000USD (*Một triệu đô la Mỹ*).

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
- Có vốn 100% đầu tư nước ngoài và được thành lập tại Việt Nam
- Sản xuất kinh doanh giày và các phụ liệu liên quan tới giày.

Biểu 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của C.Ty TNHH FRONTIER Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng doanh thu	27.827.612.324	77.558.894.434
Tổng GVHB	42.081.670.017	86.391.197.119
Tổng lợi nhuận gộp	(14.254.057.693)	(8.832.302.685)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(19.137.572.023)	(17.311.246.508)
Thu nhập bình quân 1 lao động/ tháng	3.500.000	4.500.000

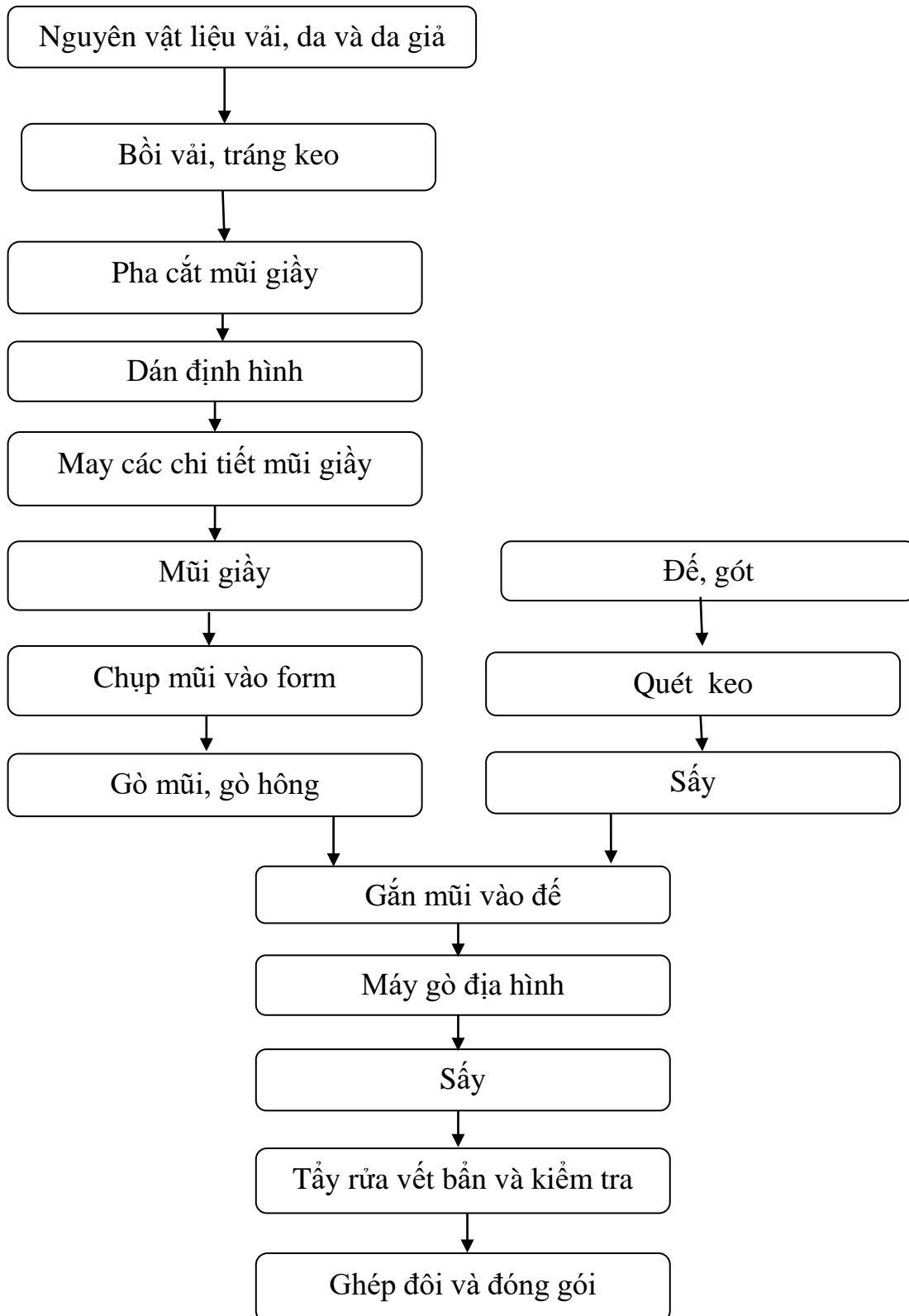
- Công ty TNHH Frontier Việt Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 042043000170 chứng nhận lần đầu vào ngày 29/7/2013 do Ban quản lý các khu công nghiệp Hải Dương cấp và thay đổi lần thứ ba ngày 23/3/2015.

- Chỉ trong ba năm hoạt động, với số vốn đầu tư ban đầu là 43 tỷ đồng, công ty đã xây dựng lên một nhà máy giấy da hiện đại, với nhiều trang bị máy móc tân tiến, công nhân có tay nghề và sản xuất ra nhiều mặt hàng chất lượng, tạo uy tín với thị trường trong nước và nước ngoài.

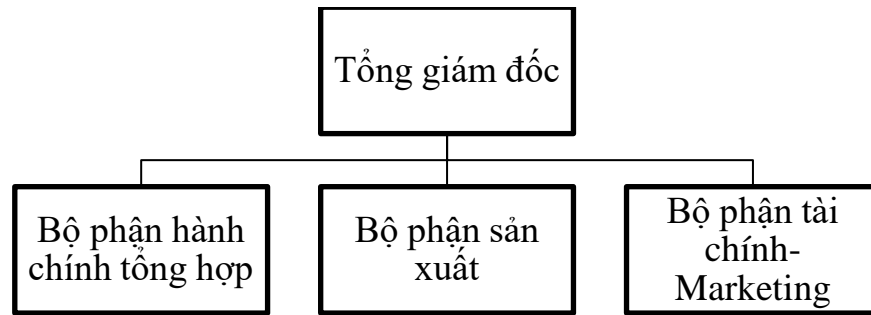
- Dự án bắt đầu từ ngày 29/07/2013 và yêu cầu xây dựng trong 6 tháng công ty đã xây dựng thành công nhà xưởng đầu tiên với diện tích 4.675 m². và trong ba năm hoạt động, do nhu cầu cần thiết của mặt hàng, công ty đã xây dựng thêm một phân xưởng nữa để tăng quy mô sản xuất, phát triển công ty thành nhưng công ty đứng đầu về ngành giấy da.

- Với mục tiêu ban đầu là 960.000 sp/năm, và chủ yếu sản xuất các phụ kiện của giấy, thì hiện nay công ty đã sản xuất và đóng giấy với trên 1.000.000 sp/năm, tạo một bước tiến tốt cho công ty.

- Với những thay đổi lớn như trên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn, bắt kịp với sự phát triển, hiện đại của ngành da giày thế giới để công ty có thể trở thành top những công ty có sản phẩm giấy chất lượng uy tín nhất không những ở trong nước mà còn ở trên thị trường nước ngoài.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty**TNHH FRONTIER Việt Nam****Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất giày của công ty Frontier Việt Nam***(Nguồn: Bộ phận sản xuất của công ty Frontier Việt Nam)*

2.1.3. Đặc điểm của tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy công ty TNHH Frontier Việt Nam

(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH Frontier Việt Nam)

❖ Tổng giám đốc công ty: Ông KATSUNORI TOKUHARA (SEUNG YOOL KANG), sinh ngày 15 tháng 4 năm 1958; Quốc tịch: Hàn Quốc.

- Là người đại diện pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: quy hoạch, chiến lược kinh doanh, ...

- Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao trong công ty.

❖ Bộ phận hành chính tổng hợp:

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

❖ Bộ phận sản xuất:

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất chế tạo tại các phân xưởng

- Kiểm tra các mặt hàng mà Công ty thực hiện hoạt động xuất nhập.

- Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đề xuất sản phẩm không phù hợp.

- Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng sản phẩm hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục.

❖ Bộ phận tài chính – Marketing:

- Bộ phận tài chính:

+ Công tác tài chính kế toán.

+ Công tác quản lý tài sản, nguồn vốn.

+ Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

+ Công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế.

- Bộ phận Marketing:

+ Nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu sự thật ngầm hiểu của khách hàng

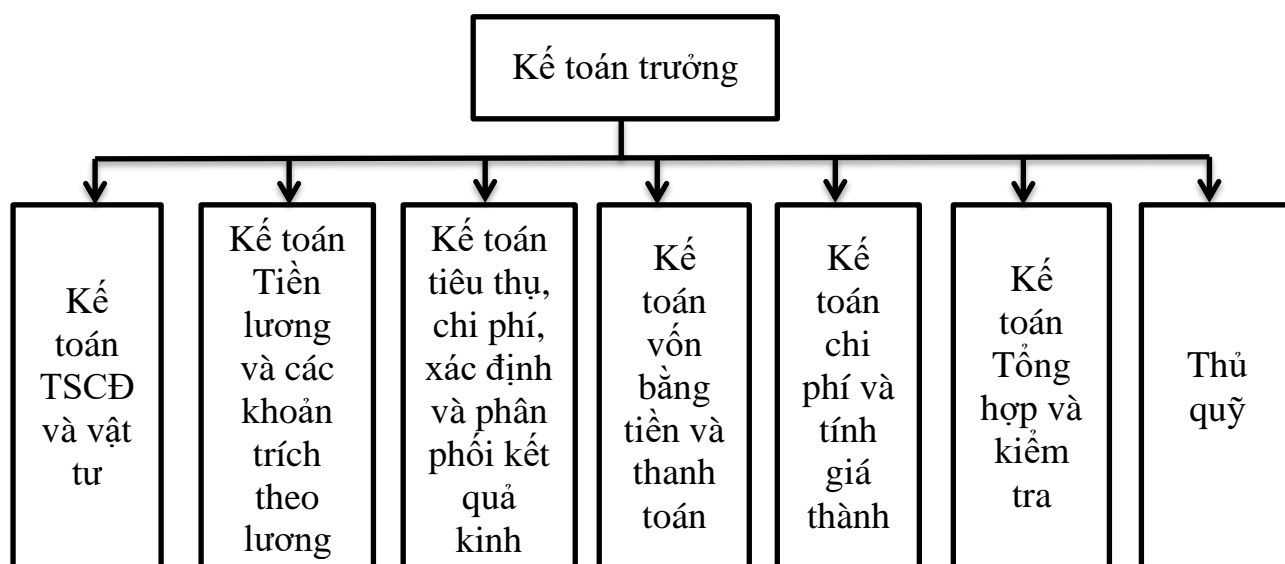
+ Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu.

+ Phát triển sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn (thực hiện trước khi sản xuất sản phẩm, xây dựng nhà hàng,...)

+ Quản trị sản phẩm (chu kỳ sống sản phẩm): Ra đời, phát triển, bão hòa, suy thoái, và đôi khi là hồi sinh.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

a) Bộ phận kế toán



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ phận kế toán của công ty TNHH Frontier Việt Nam

(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty TNHH Frontier Việt Nam)

– Kế toán trưởng: Có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty; lập Báo cáo tài chính.

– Kế toán TSCĐ: Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐHH hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐHH trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐHH. Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐHH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.

– Kế toán vật tư: Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp. Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

- Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương: Ghi chép phản ánh kịp thời số lượng thời gian lao động, chất lượng sản phẩm, tính chính xác tiền lương phải trả cho người lao động. Tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí và thu từ thu nhập của người lao động. Tính và phân bổ chính xác đối tượng, tính giá thành

- Kế toán tiêu thụ, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh: Phản ánh giám đốc tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản và dự trữ hàng hoá, tình hình nhập xuất vật tư hàng hoá. Tính giá thực tế mua vào của hàng hoá đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ và bán hàng nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng hoá.

- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp. Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hoặc kê định kỳ).

- Kế toán tổng hợp: Hạch toán các khoản chi phí, các khoản trích trước, các khoản phân bổ, các nghiệp vụ khác; Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết; Lập BCTC, các báo cáo quản trị theo mẫu; In sổ chi tiết và tổng hợp khối văn phòng, tổng hợp theo công ty theo quy định.

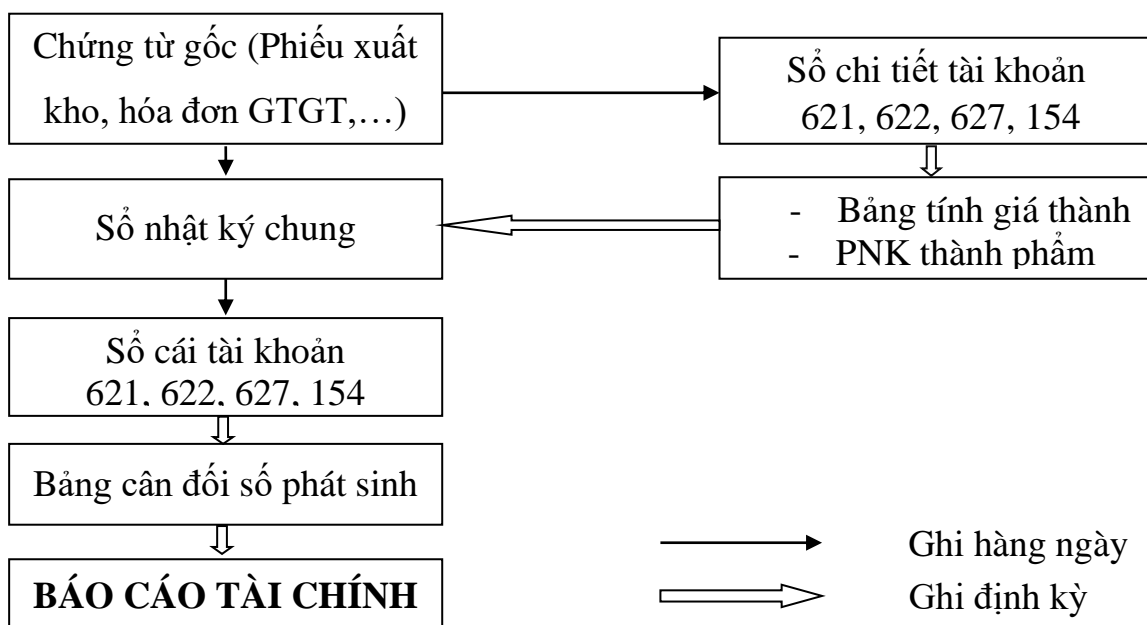
- Thủ quỹ: Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ; Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty; Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt; Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền.

b) Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam:

- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: bình quân cả kì.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT khấu trừ.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 200 ngày 22/12/2016 của Bộ Tài Chính.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật kí chung.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức nhật kí chung tại Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại của chi phí sản xuất

Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam là công ty sản xuất về loại hình giày cho phụ nữ, nên đặc điểm chi phí đa dạng, ổn định,.... Chi phí sản xuất bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: đế bằng, đệm gót, gót, bì gò, PU nỉ, vải thun, vải tăng cường, vải ren lưới, vải không dệt, Pho nhiệt, khuy, đinh cạnh, chỉ may, chỉ tăng cường,....

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: Bao gồm chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) và các khoản phụ cấp, tiền thưởng phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- *Chi phí sản xuất chung*: những chi phí liên quan đến việc phục vụ quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất: ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

a) Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí phù hợp với quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán, giúp cho công ty tính đúng, đủ được giá thành sản phẩm. Trong quá trình hoạt động, công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phân xưởng sản xuất.

b) Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm là xác định đúng đối tượng tính giá thành. Xác định đúng đối tượng tính giá thành là việc có ý nghĩa quan trọng trong công tác kế toán tính giá thành. Để phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất, công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

- Kỳ tính giá thành:

Việc xuất và nhập kho sản phẩm được diễn ra liên tục, tuy nhiên để đáp ứng được nhu cầu quản lý và hiệu quả của chỉ tiêu đánh giá. Công ty xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng. Việc xác định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty, đảm bảo tính giá thành sản phẩm kịp thời nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Phương pháp tính giá thành

Sản phẩm của công ty được sản xuất theo quy trình công nghệ giản đơn. Do vậy, kế toán chọn phương pháp tính giá thành giản đơn để tính giá cho từng sản phẩm thành sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho} & = & \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} & + & \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} & - & \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

** Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ có liên quan (lệnh xuất vật tư...)

** Tài khoản sử dụng*

Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam sử dụng tài khoản 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí NVL trực tiếp dùng cho sản xuất.

** Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 621
- Sổ cái TK 621

Ví dụ : Ngày 03/12/2015, căn cứ theo kế hoạch sản xuất do phòng kế hoạch lập, chị Nguyễn Thị Thu Thủy tổ trưởng phân xưởng số 1 mua vật tư theo hóa đơn GTGT số 0000154 (**Biểu 2.2**), thanh toán bằng chuyển khoản (chứng từ phản ánh ở **Biểu 2.3** và **Biểu 2.4**)

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT 0000154

HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: AA/15P			
Ngày 03 tháng 12 năm 2016		Số: 0000154			
Đơn vị bán hàng: Công ty CP sản xuất và TM Việt Thành Hưng					
Địa chỉ: Số 135 - Quang Trung - Hồng Bàng - Hải Phòng .					
Mã số thuế:0200588149					
Điện thoại: 031.3 839146 Fax: 031.367 0067					
Số tài khoản:160314851000838 Ngân hàng: NH Eximbank - CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thu Thủy					
Tên đơn vị: công ty TNHH Frontier Việt Nam					
Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái – Hải Dương .					
Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 0801037530					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Đế bằng	Đôi	1.000	19.360	19.360.000
02	Gót	Đôi	500	20.240	10.120.000
03	Đệm gót	Đôi	325	23.760	7.128.000
04	Bìa gò	Đôi	50	172.040	8.602.000
Cộng tiền hàng:.....					45.210.000
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT:..... 4.521.800
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					49.731.000
Số tiền viết bằng chữ: bốn chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng./.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Biểu 2.3: Ủy nhiệm chi**ỦY NHIỆM CHI**

Lập ngày 03/12/2015

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN

SỐ TK: 0341006857709
TÊN TK: Công ty TNHH Frontier Việt Nam
ĐỊA CHỈ: Lô D7 - Phân khu phía Tây - KCN Phú Thái - Kim Thành - Hải Dương
TẠI NH: NH Vietcombank Hải Dương

& GHI CÓ TÀI KHOẢN

SỐ TK: 160314851000838
TÊN TK: Công ty CP sản xuất và TM Việt Thành Hưng
ĐỊA CHỈ: Số 135 - Quang Trung - Hồng Bàng - Hải Phòng
TẠI NH: NH Eximbank - CN Hải Phòng

SỐ TIỀN

BẢNG SỐ: 49.731.000VNĐ
BẢNG CHỮ: bốn chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng

NỘI DUNG: Thanh toán tiền mua NVL theo HĐ 00001154

KẾ TOÁN TRƯỞNG (KÝ)	CHỦ TÀI KHOẢN (KÝ & ĐÓNG DẤU)
-------------------------------	---

DÀNH CHO NGÂN HÀNG Mã VAT

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Biểu 2.4: Giấy báo nợ**Vietcombank****GIẤY BÁO NỢ**

Chi nhánh- Hải Dương

Ngày 03/12/2015

Mã GDV

Mã KH

Số GD

Kính gửi CTY TNHH FRONTIER VIET NAM**Mã số thuế: 0801037530**

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 160314851000838

Số tiền bằng số **49.731.000 VNĐ**

Số tiền bằng chữ : : bốn chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng

Nội dung Thanh toán tiền mua NVL theo HĐ 00001154

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000154, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho vật tư như **Biểu 2.5**:

Biểu 2.5: Phiếu nhập kho số PN02**Đơn vị: C.TY TNHH FRONTIER Việt Nam****Mẫu số 01 - VT**Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú
Thái – Hải Dương(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Số: PN02/12

- Họ và tên người giao: Lê Văn Tư

- Nhập tại kho: nguyên liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đế bằng	1517	Đôi	1.000	1.000	19.360	19.360.000
2	Gót	15017	Đôi	500	500	20.240	10.120.00
3	Đệm gót	MH- 208D	Đôi	325	325	23.760	7.128.000
4	Bìa gò	A106	Đôi	50	50	172.040	8.602.000
	Cộng						45.210.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): bốn mươi năm nghìn hai trăm mười nghìn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT 0000154

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)Người giao hàng
(Ký, họ tên)Thủ kho
(Ký, họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(Hoặc bộ phận có
nhu cầu cần nhập)
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Căn cứ vào Phiếu nhập kho số PN02, kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu như **Biểu 2.6**:

Biểu 2.6: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Đơn vị: C.TY TNHH FRONTIER Việt Nam

Mẫu số S10 - DN

Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái – Hải Dương

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC))

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2015

Tài khoản: 152 Tên kho: Nguyên vật liệu

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Đế bằng

Đơn vị tính: Đôi

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Số dư đầu tháng 12/2015</u>		18.910					<u>800</u>	<u>15.128.000</u>
PN02	03/12	Nhập kho NVL	112	19.360	1.000	19.360.000			1.800	
PX02	04/12	Xuất kho NVL để sản xuất sản phẩm VN15084	152				1.000		800	
PN03	10/12	Nhập kho NVL	112	19.360	1.000	19.360.000			1.800	
PN04	13/12	Nhập kho NVL	111	21.560	500	10.780.000			2.300	
PX05	14/12	Xuất kho NVL để sản xuất sản phẩm VN15084	152				2.000		300	
		Cộng tháng 12/2015		19.584	2.500	49.500.000	3.000	58.528.000		
		<u>Số dư cuối tháng 12/2015</u>							<u>300</u>	<u>6.100.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Ví dụ: ngày 04/12/2015, phòng kế hoạch lập lệnh sản xuất yêu cầu phân xưởng 2 sản xuất 3000 đôi giày với mã số VN15084. Và đồng thời lập lệnh xuất kho 3.000 đôi đế bằng 1517, 3.000 đôi gót 15017, 3.000 đôi đệm gót .

Biểu 2.7: Lệnh sản xuất số 01/12

LỆNH SẢN XUẤT

Ngày 04 tháng 12 năm 2015

Xuất cho: Xưởng sản xuất số 2
 Để sản xuất: Sản phẩm VN15084
 Số lượng: 3000 đôi

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Số lượng SP SX (đôi)	Nhu cầu vật tư cho SX
1	1517	Đế bằng 1517	Đôi	100%	3.000	3.000
2	15017	Gót 15017	Đôi	100%	3.000	3.000
3	15017	Đệm gót 15017	Đôi	100%	3.000	3.000
...

Tổ trưởng sản xuất

(Ký, họ tên)

Người viết lệnh

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Căn cứ vào lệnh xuất kho số 01/12 Phòng Vật tư lập phiếu xuất kho để sản xuất sản phẩm VN15084 **Biểu 2.8**.

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho số 02

Đơn vị: C.TY TNHH FRONTIER Việt Nam
Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái – Hải Dương

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2015

Số: 02/12

Nợ:

Có:

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Đình Đông Địa chỉ (bộ phận): sản xuất số 02
- Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm mã VN15084
- Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đế	1517	Đôi	1.000	1.000		
2	Gót	15017	Đôi	1.000	1.000		
3	Đệm gót	15017	Đôi	1.000	1.000		
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 04 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Ví Dụ : Ngày 14/12/2015 căn cứ vào lệnh sản xuất số 01/12 kế toán tiếp tục viết phiếu xuất kho số 10/12 gồm 2000 Đẻ bằng 1517 , 2000 gót đẻ sản xuất sản phẩm VN15084.

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 10

Đơn vị: C.TY TNHH FRONTIER Việt Nam
Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái – Hải Dương

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 12 năm 2015

Số: 10/12

Nợ:
Có:

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hương Địa chỉ (bộ phận): Tổ 03
- Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm mã VN15084
- Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đẻ bằng	157	Đôi	2.000	2.000		
2	Gót	15017	Đôi	2.000	2.000		
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 14 tháng 12 năm 2105

**Người lập
phiếu**

**Người nhận
hàng**

Thủ kho

**Kế toán
trưởng**

Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 02/12, 10/12 cuối tháng kế toán lập Bảng kê chứng từ xuất kho theo **biểu số 2.10**.

Biểu 2.10: Bảng kê chứng từ xuất kho**BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO NGUYÊN VẬT LIỆU**

Số BKX: 01/12

Tên vật liệu: Đế bằng

Đối tượng sử dụng: Sản phẩm VN15084

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đôi

Chứng từ		Diễn giải	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá xuất kho	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng						
PXK02/12	04/12	Xuất kho đế bằng để sản xuất sản phẩm VN15084	Đế	Đôi	1.000		
PXK10/12	14/12	Xuất kho đế bằng để sản xuất sản phẩm VN15084	Đế	Đôi	2.000		
		Cộng			3.000	19.584	58.752.000

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ số liệu từ Sổ chi tiết vật liệu (*biểu 2.6*) kê toán tiến hành tính đơn giá xuất kho cho nguyên vật liệu Đế bằng.

Do tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ nên giá vốn xuất kho được tính vào cuối kỳ. Cách tính giá xuất nguyên liệu đế bằng như sau:

- Tồn đầu kỳ: Số lượng: 800 đôi Đơn giá: 18.910 đ/đôi
- Nhập ngày 03/12: Số lượng: 1.000 đôi Đơn giá: 19.360 đ/đôi
- Nhập ngày 10/12: Số lượng: 1.000 đôi Đơn giá: 19.360 đ/đôi
- Nhập ngày 13/12: Số lượng: 500 đôi Đơn giá: 21.560 đ/đôi
- Trị giá nhập kho đế bằng cả kỳ = $2000 \times 19.360 + 500 \times 21.560 = 49.500.000đ$

$$\begin{array}{r} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{đế bằng} \\ \text{1517 cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá đế} \\ \text{bằng đầu} \\ \text{kỳ} \\ \text{Số lượng} \\ \text{đế bằng} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá đế} \\ \text{bằng nhập} \\ \text{kho cả kỳ} \\ \text{Số lượng} \\ \text{nhập kho cả} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} 15.128.000 + 49.500.000 \\ 800 + 2.500 \end{array}} = \begin{array}{r} 19.584 \\ \text{(đ/đôi)} \end{array}$$

- Trị giá đế bằng xuất kho 04/12 = $1000 \times 19.584 = 19.584.000 đ$
 Tính tương tự cho các sản phẩm tiếp theo.

Căn cứ vào bảng kê phiếu xuất kho vật liệu kế toán ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 (**Biểu 2.11**), chi tiết sản phẩm VN15084

Biểu 2.11: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu số S03A-DN

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TK: 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tên phân xưởng: PX2

Chi tiết sản phẩm: VN15084

Tháng 12 năm 2015

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 621				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			...
						Đề bằng	Gót	Đệm gót	
			Số dư đầu kỳ						
31/12	BKX01/12	31/12	Xuất kho để bằng sản xuất sản phẩm	152	58.752.000	58.752.000			...
31/12	BKX02/12	31/12	Xuất kho gót sản xuất sản phẩm	152	39.168.000		39.168.000		
...
			Cộng phát sinh trong tháng		245.013.725				...
			Ghi Có TK621	154	245.013.725				...
			Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ bảng kê phiếu xuất kho vật liệu kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như **Biểu 2.12** sau:

Biểu 2.12: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TKĐU		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
...
03/12	PN02	03/12	Nhập kho NVL			152		45.210.000	
						133		4.521.800	
							112		49.731.000
...
31/12	BKX 01/12	31/12	Xuất kho NVL để sản xuất sản phẩm VN15084			621		58.752.000	
							152		58.752.000
...
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển CP NVLTT			154		1.767.638.555	
							621		1.767.638.555
								
			Cộng phát sinh tháng 12					37.211.405.226	37.211.405.226
			Cộng phát sinh năm 2015					637.489.111.152	637.489.111.152

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.12**) kế toán vào sổ cái TK 621

Biểu 2.13: Sổ cái TK 621

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER

Mẫu số S03b - DN

VIỆT NAM

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN

ngày 22/12/2014 của BT)

Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải

Dương, Việt Nam

TRÍCH SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	BKX01/12	31/12	Xuất kho NVL phục vụ sản xuất sản phẩm VN15084	152	58.752.000	
...
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển CP NVLTT	154		1.767.638.555
			Cộng phát sinh tháng 12		1.767.638.555	1.767.638.555
			Cộng phát sinh năm 2015		47.547.134.110	47.547.134.110
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

2.2.4.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam*

* *Chứng từ sử dụng*

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tổng hợp lương và trích theo lương

* *Tài khoản sử dụng*

Công ty sử dụng TK 622 – chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất tại các phân xưởng sản xuất.

* *Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 622

* *Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định sau:

- BHXH: Tính bằng 24% tổng quỹ lương
 - + 18% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - + 8% khấu trừ vào lương của người lao động
- BHYT: Tính bằng 4,5% tổng quỹ lương
 - + 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - + 1,5% khấu trừ vào lương của người lao động
- BHTN: tính bằng 2% tổng quỹ lương
 - + 1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh
 - + 1% khấu trừ vào lương của người lao động
- KPCĐ tính bằng 2% tổng quỹ lương và tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, ở Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam áp dụng hình thức trả lương theo thời gian cho công nhân trực tiếp tham gia sản xuất.

Hàng tháng, căn cứ vào Bảng chấm công của đơn vị (gồm phòng ban và phân xưởng) và các chứng từ khác có liên quan đến lao động tiền lương của từng đơn vị chấm công và có thủ trưởng đơn vị xác nhận, ký duyệt. Phòng kế toán kiểm tra và tính ra tiền lương của từng đơn vị.

Sau khi tính ra lương của các đơn vị, kế toán sẽ tập hợp tổng tiền lương phải trả phát sinh trong tháng theo từng đối tượng được hưởng lương và lập Bảng phân bổ tiền lương cho từng đơn vị. Trên cơ sở đó, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương của toàn công ty.

Biểu 2.14: Bảng chấm công

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

TRÍCH BẢNG CHẤM CÔNG*(Phân xưởng 1)**Tháng 12 năm 2015*

T T	Họ và tên	Mã NV	01	02	03	04	05	06	..	28	29	30	31	Ngày công tính lương (Ngày)
			T3	T4	T5	T6	T7	CN	..	T2	T3	T4	T5	
1	Nguyễn.T Ngọc	027	+	+	+	+	+	+	..	+	+	+	+	27
2	Nguyễn Thị Hạnh	130	+	+	+	+	+	+	..	+	+	+	+	27
3	Vũ Thị Loan	144	+	+	+	+	+	+	..	+	+	+	+	27
4	Nguyễn T.Bình	153	+	+	+	+	+	+	..	+	+	+	+	27
5	Nguyễn T.Sen	151	+	+	+	+	+	+	..	+	+	+	+	27
...
..														
	CỘNG													516

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Ví dụ: Tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương của công nhân Nguyễn Thị Ngọc.

- Số ngày công thực tế của công nhân Nguyễn Thị Ngọc: 27 ngày
- Lương theo hợp đồng : 3.600.000 đ
- Ngoài ra, chị còn được nhận tiền thâm niên là 100.000 đồng/tháng, chức vụ 700.000 đồng/tháng và chuyên cần là 100.000 đ/tháng.
- Tổng phụ cấp: $100.000 + 700.000 + 100.000 = 900.000$ đ/tháng
- Tổng thu nhập: $3.600.000 + 900.000 = 4.500.000$ đ
- Các khoản trích chị Ngọc phải nộp:
 - + Trích BHXH: $3.600.000 \times 8\% = 288.000$ đ
 - + Trích BHYT: $3.600.000 \times 1,5\% = 54.000$ đ
 - + Trích BHTN: $3.600.000 \times 1\% = 36.000$ đ
- Các khoản khấu trừ vào lương mà chị Thoa phải nộp:

$$288.000 + 54.000 + 36.000 + 27.000 = 378.000 \text{ đ}$$
- **Lương thực lĩnh:** $4.500.000 - 378.000 = 4.122.000$ đ

Căn cứ vào bảng chấm công và quy định tính lương của công ty, kế toán lập bảng tính lương như **Biểu 2.15**

Biểu 2.15: Bảng thanh toán lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu 02 – LĐTL

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

TRÍCH BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

Bộ phận: Phân xưởng 1

STT	Họ tên	Lương cố định theo hợp đồng	Phụ cấp thâm niên	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp chuyên cần	Tổng thu nhập phải trả	Trừ bảo hiểm	Tổng thu nhập thực lĩnh
1	Nguyễn.T Ngọc	3.600.000	100.000	700.000	100.000	4.500.000	378.000	4.122.000
2	Nguyễn Thị Hạnh	3.100.000	100.000	300.000	100.000	3.600.000	325.500	3.274.500
3	Vũ Thị Loan	3.100.000	100.000	300.000	100.000	3.600.000	325.500	3.274.500
4	Nguyễn T.Bình	3.100.000	100.000	300.000	100.000	3.600.000	325.500	3.274.500
5	Nguyễn T.Sen	3.100.000	100.000	300.000	100.000	3.600.000	325.500	3.274.500
.....
	CỘNG	208.864.000	4.750.000	34.000.000	8.000.000	255.614.000	23.930.760	231.683.240

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Căn cứ vào quy định tính lương của công ty, kế toán lập bảng trích theo lương như **Biểu 2.16**

Biểu 2.16: Bảng trích theo lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu 02 – LĐTL

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

TRÍCH BẢNG TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

Bộ phận: Phân xưởng 1

STT	Họ tên	Lương làm căn cứ trích bảo hiểm	BHXH		BHYT		BHTN		CPCĐ (2%)	Cộng 24%	Cộng 10.5%
			DN trả (18%)	CN trả (8%)	DN trả (3%)	CN trả (1.5%)	DN trả (1%)	CN trả (1%)			
1	Nguyễn.T Ngọc	3.600.000	648.000	288.000	108.000	54.000	36.000	36.000	72.000	864.000	378.000
2	Nguyễn Thị Hạnh	3.100.000	558.000	248.000	93.000	46.500	31.000	31.000	62.000	744.000	325.500
3	Vũ Thị Loan	3.100.000	558.000	248.000	93.000	46.500	31.000	31.000	62.000	744.000	325.500
4	Nguyễn T.Bình	3.100.000	558.000	248.000	93.000	46.500	31.000	31.000	62.000	744.000	325.500
5	Nguyễn T.Sen	3.100.000	558.000	248.000	93.000	46.500	31.000	31.000	62.000	744.000	325.500
.....
	CỘNG	208.864.000	41.024.160	18.232.960	6.837.360	3.418.680	2.279.120	2.279.120	4.558.240	54.698.880	23.930.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ bảng thanh toán lương của từng bộ phận kế toán lập bảng tổng hợp lương (**Biểu 2.17**).

Biểu 2.17: Bảng tổng hợp lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

STT	Họ tên	Lương cố định theo hợp đồng	Phụ cấp thâm niên	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp chuyên cần	Tổng thu nhập phải trả	Trừ bảo hiểm	Tổng thu nhập thực lĩnh
I	Bộ phận quản lý	108.298.000	650.000	2.000.000	900.000	111.848.000	11.371.290	104.476.710
II	Bộ phận bán hàng	65.716.000	700.000	7.800.000	1.600.000	75.816.000	6.900.180	69.806.820
III	Bộ phận sản xuất	926.348.000	19.000.000	136.000.000	32.000.000	1.113.348.000	97.266.540	1.016.081.460
1	Phân xưởng 1	208.864.000	4.750.000	34.000.000	8.000.000	255.614.000	23.930.760	231.683.240
.....
IV	Bộ phận quản lý phân xưởng	163.708.000	2.050.000	29.050.000	4.000.000	198.808.000	17.189.340	181.618.660
	CỘNG	1.264.070.000	20.350.000	174.850.000	38.500.000	1.499.820.000	132.727.350	1.371.983.650

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ bảng trích theo lương của từng bộ phận kế toán lập bảng tổng hợp trích theo lương (**Biểu 2.18**).

Biểu 2.18: Bảng trích tổng hợp trích theo lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu 02 – LĐTL

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2015

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Họ tên	Lương làm căn cứ trích bảo hiểm	BHXH		BHYT		BHTN		CPCĐ (2%)	Cộng 24%	Cộng 10.5%
			DN trả (18%)	CN trả (8%)	DN trả (3%)	CN trả (1.5%)	DN trả (1%)	CN trả (1%)			
I	Bộ phận quản lý	108.298.000	19.493.640	8.663.840	3.248.940	1.624.470	1.082.980	1.082.980	2.165.960	25.991.520	11.371.290
II	Bộ phận bán hàng	65.716.000	11.828.880	5.257.280	1.971.480	958.740	657.160	657.160	1.314.320	15.771.840	6.900.180
III	Bộ phận sản xuất	926.348.000	166.742.640	74.107.840	27.790.440	13.895.220	9.263.480	9.263.480	18.526.960	222.323.520	97.266.540
1	Phân xưởng 1	208.864.000	41.024.160	18.232.960	6.837.360	3.418.680	2.279.120	2.279.120	4.558.240	54.698.880	23.930.760
.....
IV	Bộ phận quản lý phân xưởng	163.708.000	29.467.440	13.096.640	4.911.240	2.455.620	1.637.080	1.637.080	3.274.160	39.289.920	17.189.340
	CỘNG	1.264.070.000	227.532.600	101.125.600	37.922.100	18.961.050	12.649.700	12.649.700	25.281.400	303.376.800	132.727.350

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ Bảng tổng hợp thanh toán lương (**Biểu 2.17**) và bảng tổng hợp trích theo lương (**Biểu 2.18**) kế toán lập bảng phân bổ lương như **Biểu 2.19**

Biểu 2.19: Bảng phân bổ lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG
Tháng 12 năm 2015

STT	Ghi Có Ghi Nợ	Lương phải trả (TK334)	TK 338									Cộng Có 388
			Tính vào chi phí					Trừ vào lương				
			BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Công đoàn (2%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng	
1	TK 622	1.113.348.000	166.742.640	27.790.440	9.263.480	18.526.960	222.323.520					222.323.520
2	TK 627	198.808.000	29.467.440	4.911.240	1.637.080	3.274.160	39.289.920					39.289.920
3	TK 641	75.816.000	11.828.880	1.971.480	657.160	1.314.320	15.771.840					15.771.840
4	TK 642	111.848.000	19.493.640	3.248.940	1.082.980	2.165.960	25.991.520					25.991.520
5	TK 334							101.125.600	18.961.050	12.649.700	132.736.350	132.736.350
	Tổng	1.499.820.000	227.532.600	37.922.100	12.649.700	25.281.400	303.385.800	101.125.600	18.961.050	12.649.700	132.736.350	436.122.150

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ bảng phân bổ lương (**Biểu 2.19**) kế toán vào sổ Nhật ký chung.

Biểu 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	BPBL12	31/12	Tính ra lương phải trả cho cán bộ công nhân viên công ty tháng 12.			622		1.113.348.000	
						627		198.808.000	
						641		75.816.000	
						642		111.848.000	
							334		1.499.820.000
31/12	BPBL12	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí và trừ vào thu nhập người lao động.			622		222.323.520	
						627		39.289.920	
						641		15.771.840	
						642		25.281.400	
							338		436.122.150
...
			Cộng phát sinh tháng 12					37.211.405.226	37.211.405.226
			Cộng lũy kế năm 2015					637.489.111.152	637.489.111.152

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ nhật ký chung (**Biểu 2.20**) kế toán ghi vào sổ cái TK 622

Biểu 2.21: Sổ cái TK 622

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam (Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản 622: Chi phí nhân công trực tiếp

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
31/12	BPBL03	31/12	Lương phải trả công nhân sản xuất	334	1.113.348.000	
31/12	BPBL03	31/12	Trích các khoản theo lương tính vào chi phí	338	222.323.520	
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí	154		1.335.671.520
			Cộng phát sinh tháng 12		1.335.671.520	1.335.671.520
			Cộng phát sinh năm 2015		16.528.995.500	16.528.995.500
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

2.2.4.3. *Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam*

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần để sản xuất sản phẩm ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của Công ty.

* *Hệ thống chứng từ*

- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn GTGT dịch vụ mua ngoài
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

* *Tài khoản sử dụng*

Tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam, kế toán sử dụng TK 627 – chi phí sản xuất chung để theo dõi các khoản chi phí SXC.

* *Sổ sách sử dụng*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 627

* *Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung*

Việc phân bổ chi phí sản xuất chung được thực hiện theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- **Kế toán chi phí nhân viên phân xưởng**

Căn cứ vào Bảng phân bổ lương (**Biểu 2.21**) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như **Biểu 2.22**.

- **Chi phí công cụ, dụng cụ:**

Đối với những công cụ dụng cụ hoặc máy móc không được tính là TSCĐ trong xưởng nhưng có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài sẽ được xuất và theo dõi trên TK 242 rồi được phân bổ dần vào chi phí sản xuất chung theo thời gian sử dụng ước tính của loại dụng cụ máy móc đó.

Biểu 2.22: Bảng phân bổ chi phí trả trước

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải

Dương, Việt Nam

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK242)

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên CCDC	BPSD	SL	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ (tháng)	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ			Giá trị còn lại
									641	642	627	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Kéo To Thẳng	BPSX	40	180.000	7.200.000	24	4.200.000	300.000			300.000	3.900.000
2	Rỗ to	BPSX	72	295.000	21.240.000	36	12.980.000	590.000			590.000	12.390.000
3	Bàn là hơi nước	BPSX	2	1.300.000	2.600.000	36	1.155.600	72.222			72.222	1.083.378
...
	Tổng cộng				154.750.920		99.239.122	15.660.109	5.682.322	3.965.431	6.012.356	83.790.003

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Chi phí khấu hao TSCĐ

Công ty đã sử dụng phương pháp tính KH TSCĐ theo đường thẳng (KH đều), thời gian sử dụng đã được quy định theo thông tư 203/2009/TT-BTC khấu hao TSCĐ của Bộ tài chính.

Cuối tháng, kế toán lập bảng tính khấu hao TSCĐ để làm căn cứ trích khấu hao cho từng bộ phận.

Ví dụ: Máy may 2 kim điện tử có nguyên giá 40.600.000 đồng, sử dụng trong 5 năm. Vậy mức khấu hao hàng tháng được trích như sau:

$$\text{Mức KH tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

$$\text{Mức KH tháng} = \frac{40.600.000}{5 \times 12} = 676.667 \text{ đ/tháng}$$

Biểu 2.23: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Thời gian sử dụng (năm)	Phân bổ cho từng bộ phận				Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
				627	641	642	Cộng		
1	Máy trụ 1 kim	143.635.000	10	1.196.958			1.196.958	32.317.871	111.317.129
2	Máy may 2 kim điện tử	40.600.000	5	676.667			676.667	18.270.004	22.329.996
3	Máy photo	45.000.000	5			750.000	750.000	24.750.000	20.250.000
4	Xe chở hàng	348.000.000	10		2.900.000		2.900.000	88.269.500	259.730.500
...
	Cộng	12.318.000.000		88.311.500	34.330.680	29.245.150	151.887.330	3.041.789.000	9.276.211.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Ví dụ : Ngày 5/6, thanh toán Sửa chữa máy may trị 1 kim tại phân phân xưởng số 1 với HĐGTGT 0000121 với số tiền 660.000 đã thanh toán bằng tiền mặt.

HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: AA/15P			
Ngày 18 tháng 12 năm 2016		Số: 0000121			
Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Cơ Khí Thành Thắng					
Địa chỉ: xóm 4, Thôn Cổ Phục, Kim Lương, Kim Thành, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0800296250					
Điện thoại: Fax:					
Số tài khoản: 2304211410010 Ngân hàng: NH NN& PT NT Huyện Kim Thành					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thu Thủy					
Tên đơn vị: công ty TNHH Frontier Việt Nam					
Địa chỉ: Lô D7 Phân khu phía Tây KCN Phú Thái – Hải Dương .					
Số tài khoản:.....Ngân hàng:.....					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 0801037530					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Chi phí sửa máy may 2 kim điện tử				600.000
		Cộng tiền hàng:.....600.000			
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT:..... 60.000			
		Tổng cộng tiền thanh toán:..... 660.000			
Số tiền viết bằng chữ: sáu trăm sáu mươi nghìn đồng./.					

Căn cứ vào các chứng từ gốc như bảng phân bổ lương (**Biểu 2.19**), bảng phân bổ chi phí trả trước (**Biểu 2.20**), bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (**Biểu 2.21**), ...kế toán phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung trong tháng vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.24**):

Biểu 2.24: Trích sổ Nhật ký chungĐơn vị: **CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM**Mẫu số **S03a - DN**

Địa chỉ: **Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam** (Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2015

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SST dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	BPBL12	31/12	Tính ra lương phải trả cán bộ công nhân viên công ty tháng 12			622		1.113.348.000	
						627		198.808.000	
						641		75.816.000	
						642		111.848.000	
							334		1.499.820.000
...
31/12	BPB242	31/12	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn			641		5.682.322	
						642		3.965.431	
						627		6.012.356	
							242		15.660.109
31/12	BKH12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12			627		88.311.500	
						641		34.330.680	
						642		29.245.150	
							214		151.887.330

18/12	HĐGTGT00 00121	18/12	Thanh toán tiền sửa chữa máy móc			627		600.000	
						133		60.000	
							111		660.000
...
			Cộng phát sinh tháng 12					37.211.405.226	37.211.405.226
			Cộng lũy kế năm 2015					637.489.111.152	637.489.111.152

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Từ Nhật ký chung (**Biểu 2.24**) kế toán ghi vào Sổ cái TK 627

Biểu 2.25: Sổ cái TK 625

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu số - DN

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ CÁI

Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
...
18/12	HĐ0000121	18/12	Thanh toán tiền sửa chữa máy móc	111	628.906	
...
31/12	BPBL12	31/12	Tính lương cho công nhân quản lý phân xưởng	334	197.758.000	
31/12	BPBL12	31/12	Trích cá khoản trích theo lương	338	39.289.920	
31/12	BPB242	31/12	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	242	6.012.356	
31/12	BKH12	31/12	Chi phí KH TSCĐ	214	88.311.500	
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	154		336.474.782
			Cộng phát sinh tháng 12		336.474.782	336.474.782
			Cộng số phát sinh năm 2015		4.939.435.560	4.939.435.560
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất chung, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Bảng tính giá thành

* Tài khoản sử dụng

Đề tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

* Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 154

* Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

Cuối tháng căn cứ vào số liệu phát sinh trên sổ chi tiết TK 621 (**Biểu 2.11**), sổ cái TK 622 (**Biểu 2.21**), sổ cái TK 627 (**Biểu 2.25**), kế toán lập bảng phân bổ chi phí nhân công và sản xuất chung như **biểu 2.26**

Biểu 2.26: Bảng phân bổ chi phí

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 12/2015

Nội dung	CP NVL TT	CP NC TT	CPSX Chung
1. Sản phẩm VN15084	245.013.725	185.138.446	46.439.026
2. Sản Phẩm VN15083	542.890.123	404.462.600	103.340.603
.....
Cộng	1.767.638.555	1.335.671.520	336.474.782

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Công ty phân bổ chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức CPNCTT} \\ \text{(CPSXC)} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của tất cả các đối tượng}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng CPNCTT} \\ \text{(CPSXC)} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}$$

- **Ví dụ:** Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho sản phẩm VN15084 như sau:

$$\begin{array}{l} \text{PBCP NCTT} \\ \text{VN15084} \end{array} = \frac{1.335.671.520}{1.767.638.555} \times 245.013.725 = 185.138.446$$

Từ bảng phân bổ chi phí như (**biểu 2.26**) và các sổ cái TK 621 (**Biểu 2.11**), sổ cái TK 622 (**Biểu 2.21**), sổ cái TK 627 (**Biểu 2.25**), kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển chi phí 621, 622, 627 như **biểu 2.27**

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

Phiếu kế toán số 10

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nội dung	TK đối ứng		Số tiền	Chi tiết sản phẩm		
	Nợ	Có		VN15084	VN15083	...
K/c chi phí NVLTT	154	621	1.767.638.555	245.013.725	542.890.123	...
K/c chi phí NCTT	154	622	1.335.671.520	185.138.446	404.462.600	...
K/c chi phí SXC	154	627	336.474.782	46.639.026	103.340.603	...
Cộng			3.439.784.857	476.791.197	1.050.693.326	...

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán (**Biểu 2.27**) kế toán ghi vào sổ nhật ký chung như **biểu 2.28**

Biểu 2.28: Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam (Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2015

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển các chi phí	154		3.439.784.857	
					621		1.767.638.555
					622		1.335.671.520
					627		336.474.782
...
			Cộng phát sinh tháng 12			37.211.405.226	37.211.405.226
			Cộng lũy kế năm 2015			637.489.111.152	637.489.111.152

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Từ sổ Nhật kí chung như **biểu 2.28** kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 154 như **biểu 2.29**

Biểu 2.29: Sổ cái TK 154

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu số - DN

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ CÁI

Tài khoản 154: Chi phí sản kinh doanh dở dang

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		6.340.597.373	
...
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	1.767.638.555	
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	1.335.671.520	
31/12	PKT10	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	336.474.782	
...
			Cộng phát sinh tháng 12		3.481.529.629	2.418.063.442
			Cộng số phát sinh năm 2015		66.778.355.500	65.016.761.290
			Số dư cuối kỳ		8.102.191.579	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Đánh giá sản phẩm dở dang

Công ty áp dụng phương pháp tính giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí NVL trực tiếp.

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPDD đầu kỳ} + \text{CPNVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm} + \text{số lượng dở dang}} \times \text{Số lượng dở dang}$$

Kế toán tiến hành tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của sản phẩm giày VN15084

Chi phí dở dang đầu kỳ: 0

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh: 245.013.725 đ

Số lượng thành phẩm nhập kho: 2.455 đôi

Số lượng thành phẩm dở dang: 545 đôi

$$\text{Giá trị spdd cuối kỳ sp giày VN15084} = \frac{0 + 245.013.725}{2.455 + 545} \times 545 = 44.510.823 \text{ đ}$$

Việc tính trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ của các sản phẩm khác tương tự như cách tính trên.

- Tính giá thành sản phẩm tại công ty.

Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chi tiết theo từng loại sản phẩm, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm như **Biểu 2.30**:

Biểu 2.30: Thẻ tính giá thành sản phẩm

Đơn vị: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Địa chỉ: khu CN Vĩnh Niệm – Lê Chân- HP

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Sản phẩm: Giày VN15084

Số lượng: 2.455 đôi

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí phát sinh	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị (đ/đôi)
1	CP nguyên vật liệu trực tiếp	0	245.013.725	44.510.823	200.502.902	81.671
2	CP nhân công trực tiếp	0	182.539.494		182.539.494	74.354
3	CP Sản xuất chung	0	46.639.026		46.639.026	18.998
	Cộng		474.192.245		429.681.422	175.023

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Căn cứ vào thẻ tính giá thành kế toán lập phiếu nhập kho như **biểu 2.31**

Biểu 2.31: Phiếu nhập kho**Đơn vị: Công ty TNHH Frontier Việt Nam****Bộ phận: Bộ phận sản xuất****Mẫu số 01 - VT**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Họ và tên người giao: Lê Văn Bình

- Số: PN20/12

- Nhập tại kho: Số 1 địa điểm: Công ty TNHH Frontier Việt Nam

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã Số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giày VN15084	VN15084	Đôi	2.455	2.455	175.023	429.681.422
	Cộng	x	x	2.455	2.455		429.681.422

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): tám mươi tư triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Từ phiếu nhập kho (*biểu 2.31*) kê toán ghi vào sổ nhật ký chung như *biểu 2.32*

Biểu 2.32: Trích Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2015

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SST dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
...
31/12	PNK20/12	31/12	Nhập kho thành phẩm VN 15084			155		429.681.422	
							154		429.681.422
...
			Cộng phát sinh tháng 12					37.211.405.226	37.211.405.226
			Cộng lũy kế năm 2015					637.489.111.152	637.489.111.152

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

- Từ sổ Nhật kí chung như **biểu 2.32** kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 155 như **biểu 2.33**

Biểu 2.33: Sổ cái TK 155

Đơn vị: CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM

Mẫu số - DN

Địa chỉ: Lô D7, phân khu phía Tây, KCN Phú Thái, huyện Kim Thành, TP Hải Dương, Việt Nam

(Ban hành theo TT200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của BT)

SỔ CÁI
Tài khoản 155: Thành phẩm
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		8.945.671.230	
...
31/12	PNK20/12	31/12	Nhập kho thành phẩm VN 15084	154	429.681.422	
...
			Cộng phát sinh tháng 12		2.418.063.442	1.965.789.233
			Cộng số phát sinh năm 2015		30.451.231.890	25.693.456.900
			Số dư cuối kỳ		13.703.446.220	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH FRONTIER Việt Nam)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH FRONTIER VIỆT NAM****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam****3.1.1. Ưu điểm**

a) Về tổ chức bộ máy kế toán:

– Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

– Nhân viên kế toán có trình độ, tay nghề, có kinh nghiệm, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

b) Về hệ thống tài sản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

c) Về công tác hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm:

– Về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy trình sản xuất, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình sản xuất.

– Công ty áp dụng tính giá thành theo phương pháp giản đơn phù hợp với công tác quản lý và sản xuất của công ty.

– Kì tính giá thành của công ty là hàng tháng và vào cuối mỗi tháng đã giúp cho công việc của kế toán giảm bớt, giúp công tác quản lý chi phí trở nên thuận tiện, chặt chẽ và rõ ràng hơn.

3.1.2. Nhược điểm:

– Công ty đã không hạch toán các khoản hiện hại trong công ty: Trong quá trình sản xuất công ty có thể gặp những rủi ro khách quan hay chủ

quan. Vì vậy công ty cần hạch toán các khoản thiệt hại vào chi phí riêng để còn quy trách nhiệm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay với sự phát triển và mở rộng quy mô của công ty thì khối lượng công việc sẽ ngày càng tăng. Vì vậy việc áp dụng kế toán thủ công vẫn còn lạc hậu và khó khăn cho kế toán trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trong khi công ty có cơ sở vật chất máy tính hiện đại và tiện nghi chỉ để dùng chấm công, tính lương cho công nhân, kiểm kê nguyên vật liệu, TSCĐ,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Trong nền kinh tế phát triển và xu hướng hội nhập mạnh mẽ như hiện nay các doanh nghiệp ngày càng có nhiều cơ hội cũng như là thách thức trong môi trường này. Và muốn thu hút được khách hàng, hay các nhà đầu tư thì doanh nghiệp phải cho thấy được lợi thế, ưu điểm của mình. Và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một công việc cần thiết và quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp. Nó đóng vai trò giúp các nhà quản lý nắm được tình hình thực hiện kế hoạch chi phí giá thành, phân tích đánh giá tình hình sản xuất, mặt khác còn là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất còn là cơ sở tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. Chỉ tiêu tổng hợp giá thành còn thể hiện giá vốn của sản phẩm từ đó xác định được lợi nhuận gộp khi tiêu thụ sản phẩm đó.

Trong đó thực trạng công tác kế toán nói chung cũng như công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam còn tồn tại nhiều nhược điểm. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH FRONTIER Việt Nam là tính tất yếu.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng cần dựa trên những tiêu chuẩn sau:

- Đảm bảo sự phù hợp đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm, quy trình sản xuất riêng nên vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.
- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp.
- Đảm bảo thực hiện tốt các chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để nhà quản lý đưa ra quyết định cuối cùng.

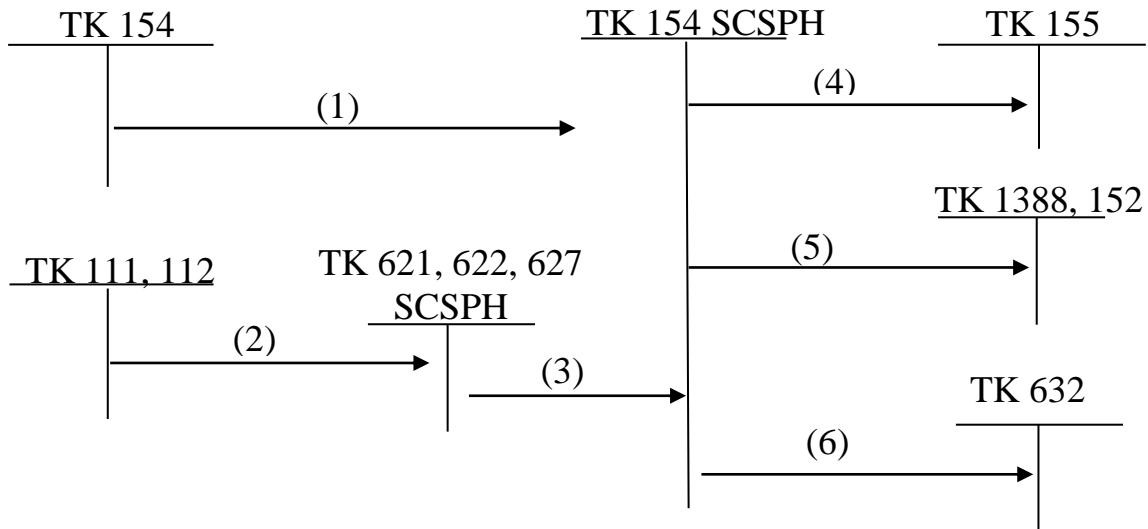
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm

3.4.1. Kiến nghị 1: Công ty nên hạch toán thiệt hại trong quá trình sản xuất.

Trong quá trình sản xuất, công ty sẽ không tránh khỏi việc xảy ra các thiệt hại. Nhưng nếu có thể kiểm soát và dự phòng các thiệt hại có thể dự đoán trước được thì sẽ giúp cho công ty giảm thiệt hại trong sản xuất và giúp được ban quản trị đưa ra các biện pháp xử lý tốt nhất.

Thiệt hại trong quá trình sản xuất tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam chủ yếu là thiệt hại về sản phẩm hỏng, như bị lỗi mũi khâu, bị bong đế, đôi sản phẩm không đồng kích cỡ, ...

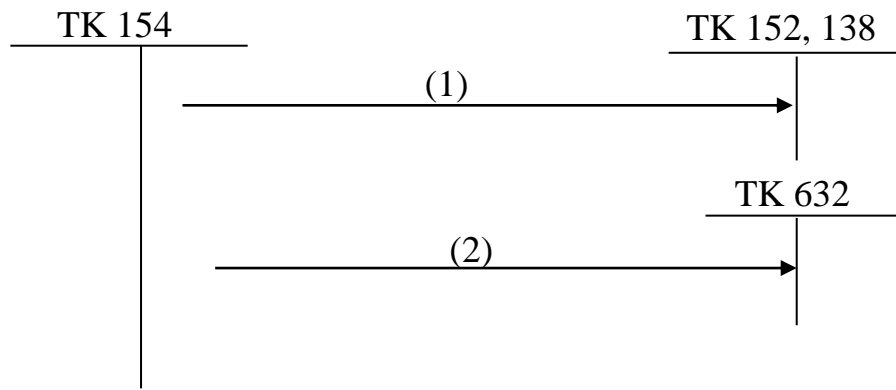
Đối với sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được (là sản phẩm có thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật và sửa chữa có lợi về mặt kinh tế), kế toán cần hạch toán chi tiết thiệt hại theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được kiến nghị với công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

- (1) Kết chuyển giá trị sản phẩm hỏng sửa chữa được
- (2) Tập hợp chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng
- (3) Tổng hợp chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng
- (4) Giá thành thực tế sản phẩm hỏng đã được sửa chữa
- (5) Giá trị phế phẩm thu hồi, các khoản thu do bồi thường
- (6) Kết chuyển chi phí sản phẩm hỏng xử lý

Đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được (là sản phẩm không thể sửa chữa được về mặt kỹ thuật hoặc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế), kế toán cần hạch toán chi tiết thiệt hại theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được được kiến nghị với công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

- (1) Kết chuyển chi phí sản phẩm hỏng không sửa chữa được nhập kho phế liệu; bắt bồi thường.
- (2) Kết chuyển chi phí sản phẩm hỏng xử lý vào giá vốn hàng bán.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc trích trước lương phép của công nhân trực tiếp sản xuất của công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

Tại công ty TNHH FONRIER Việt Nam, ngành sản xuất là da giày cho nên số lượng công nhân trực tiếp sản xuất lớn vì thế số ngày nghỉ phép cũng lớn sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì vậy, để tránh sự biến động đột ngột của chi phí, công ty nên trích trước tiền lương phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

$$\text{Tỷ lệ trích trước theo kế hoạch tiền lương của công nhân sản xuất} = \frac{\text{Tổng tiền lương nghỉ phép phải trả cho công nhân sản xuất theo kế hoạch trong năm}}{\text{Tổng tiền lương chính phải trả cho công nhân sản xuất theo kế hoạch trong năm}}$$

Tổng tiền lương nghỉ phép phải trả cho công nhân sản xuất theo kế hoạch trong năm = Số công nhân sản xuất trong doanh nghiệp × mức lương bình quân 1 công nhân sản xuất × Số ngày nghỉ phép thường niên 1 công nhân sản xuất

- Tài khoản sử dụng : TK 335 “Chi phí phải trả”

Bên Nợ	TK 335	Bên có
<p><i>Số phát sinh giảm trong kì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí thực tế phát sinh được tính vào chi phí phải trả - Số chênh lệch về chi phí phải trả > số chi phí thực tế được ghi giảm chi phí 		<p>Số dự Nợ đầu kì: khoản đã trích trước chưa sử dụng hết còn tồn đầu kỳ</p> <p><i>Số phát sinh tăng trong kì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí đã được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh
		<p>Số dự Nợ cuối kì: Khoản đã trích trước chưa sử dụng hết còn tồn cuối kỳ</p>

Định khoản nghiệp vụ phát sinh :

(1) Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất :

Nợ TK 622

Có TK 335

(2) Khi thực tế phát sinh tiền lương nghỉ phép phải trả cho công nhân sản xuất :

Nợ TK 335

Có TK 334

(3) Khi trích trước tiền lương nghỉ phép kế toán chưa trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo khoản lương này. Do đó khi nào đã xác định được tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả thì kế toán mới tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả :

Nợ TK 622 : Phần tính vào chi phí

Nợ TK 334 : Phần khấu trừ vào lương

Có TK 338 : Trích trên số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả

(4) Cuối năm tiến hành điều chỉnh số trích trước theo số thực tế phải trả. Nếu có chênh lệch sẽ xử lý như sau:

- Nếu Số thực tế phải trả > số trích trước, kế toán tiến hành trích bổ sung phần chênh lệch vào chi phí :

Nợ TK 622

Có TK 335

- Nếu Số thực tế phải trả < số trích trước, kế toán hoàn nhập số chênh lệch để ghi giảm chi phí :

Nợ TK 335

Có TK 622

3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình hạch toán tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam

Hiện nay công ty vẫn áp dụng hạch toán theo phương pháp thủ công. Trong khi công ty lại trang bị thiết bị máy vi tính rất hiện đại. Và quá trình hạch toán, tổng hợp chứng từ sổ sách vào cuối tháng khá vất vả và không mang tính kịp thời của thông tin kế toán.

Chính vì vậy công ty TNHH FRONTIER Việt Nam nên áp dụng các phần mềm kế toán trên máy tính để giảm bớt công việc cho kế toán, và sẽ cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời.

Công ty có thể áp dụng một số phần mềm kế toán sau:

a) Phần mềm kế toán MISA

MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Giao diện của phần mềm MISA :



Gói sản phẩm	Đơn Giá	Mô tả
Express (0.2 GB)	Miễn phí	Đủ 16 quan hệ: Quỹ, Thủ quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp Số lượng chứng từ được nhập
Starter (1 GB)	2.950.000VNĐ/Gói	Đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ,

		Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp Số lượng chứng từ được nhập vào tối đa là 1.000 chứng từ/năm
Standard (2GB)	6.950.000VNĐ/Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 11 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng
Business (3GB)	6.000.000VNĐ/năm	+ Phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất AMIS.VN với dung lượng tối đa được sử dụng là 03 GB/năm. + Doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh khoảng 500 - 1500 chứng từ/tháng hoặc có qui mô nhân sự khoảng 200 nhân viên.
Enterprise (6GB)	9.600.000VNĐ/năm	Phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất AMIS.VN với dung lượng tối đa được sử dụng là 06 GB/năm. + Doanh nghiệp có số lượng chứng từ phát sinh trên 1500 chứng từ/tháng hoặc có qui mô nhân sự khoảng 300 - 500 nhân viên.

Công ty có thể tìm hiểu thêm trên trang web chính thức của đơn vị cung cấp phần mềm: www.misa.com.vn để có thể lựa chọn ra phần mềm phù hợp nhất với công ty của mình.

b) Phần mềm kế toán VACOM

VACOM chuyên về phần mềm quản lý, kế toán cho doanh nghiệp: Được thành lập với định hướng chuyên sâu trong lĩnh vực cung cấp các giải pháp phần mềm quản lý, kế toán cho doanh nghiệp. Với đội ngũ kỹ sư các nhà chuyên môn và tư vấn trong lĩnh vực tài chính kế toán, ở các doanh nghiệp thuộc nhiều loại hình khác nhau đã tạo nên tính ổn định và nhiều tính năng sử dụng hiệu quả trong phần mềm kế toán VACOM.

Phần mềm kế toán VACOM vượt trội bởi khả năng hỗ trợ người dùng nhập dữ liệu nhanh chóng:

Nhập bảng excel vào Các hệ thống danh mục.

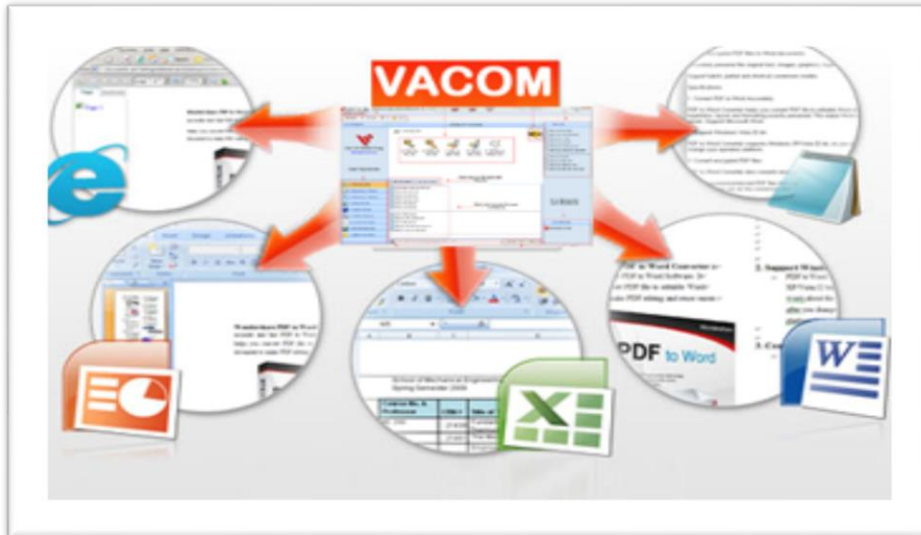
Nhập bảng excel vào dữ liệu phát sinh của một chứng từ hoặc nhiều chứng từ.

Vừa nhập chứng từ vừa theo dõi được số dư và xem báo cáo.

Nhập dữ liệu nhanh hơn với chức năng Sao chép (copy) chứng từ.

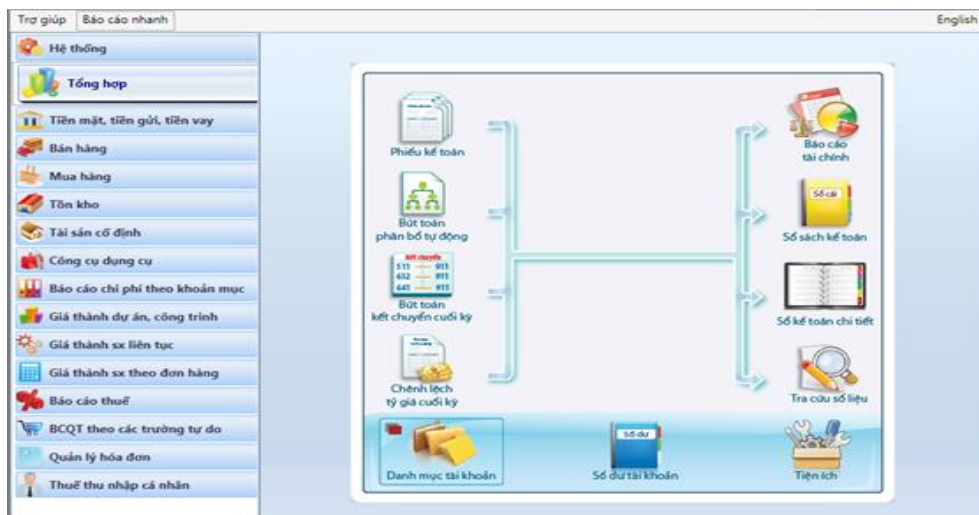
Nhập dữ liệu nhanh hơn với chức năng tạo chứng từ từ một chứng từ khác như: Tạo phiếu Chi/Thu từ Phiếu nhập/Hóa đơn bán hàng... chọn Phiếu nhập kho để tạo Hóa đơn bán hàng hoặc Phiếu xuất, chọn hóa đơn bán hàng để lập chứng từ Hàng bán bị trả lại....

Kiểm soát chứng từ tốt hơn với chứng năng thêm dòng vào giữa các dòng, dịch chuyển thứ tự dòng để dễ đối chiếu với chứng từ gốc...



Công ty có thể xem chi tiết tại trang web chính thức của đơn vị cung cấp phần mềm www.vacom.com.vn

c) Phần mềm kế toán FAST



Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp chi tiết trên trang web: www.fast.com.vn

3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam.

Hiện tại công ty TNHH FONTIER Việt Nam đang áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo bình quân cả kì. Tuy nhiên phương pháp này độ

chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin chi phí sản xuất.

Chính vì vậy công ty nên áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này sẽ khắc phục được những nhược điểm của phương pháp bình quân cả kì. Tuy phương pháp này việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức, nhưng với kiến nghị 3 em đã kiến nghị ở phần trên thì việc áp dụng công nghệ thông tin sẽ giúp việc tính toán đơn giản và thuận tiện hơn.

Công thức tính giá theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho sau lần nhập } j} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } j}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } j}$$

Áp dụng vào tình hình thực tế xuất kho tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam như sau:

Ví dụ: ngày 04/12/2015 theo lệnh xuất kho 01/12 kế toán xuất kho 3.000 đế bằng để sản xuất sản phẩm giày VN15084.

- Tồn đầu kỳ: Số lượng: 800 đôi Đơn giá: 18.910 đ/đôi
- Nhập ngày 03/12: Số lượng: 1.000 đôi Đơn giá: 19.360 đ/đôi

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân đế bằng cuối 03/12}}{\text{Đơn giá bình quân đế bằng cuối 03/12}} = \frac{\text{Trị giá đế bằng tồn cuối 03/12}}{\text{Lượng đế bằng tồn cuối 03/12}} = \frac{15.128.000 + 19.360.000}{800 + 1.000} = 19.160 \text{ (đ/đôi)}$$

→ Trị giá xuất kho đế bằng ngày 04/12: $19.160 \times 3.000 = 57.480.000 \text{ đ}$

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành là một bộ phận không thể thiếu trong quá trình quản lý và sản xuất của doanh nghiệp. Hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phải đầy đủ nhanh chóng và chính xác sẽ giúp cho ban quản trị doanh nghiệp nắm bắt được tình, đưa ra những giải pháp kịp thời giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận cho công ty.

Trong quá trình thực tập em đã tìm hiểu và nghiên cứu thực tế về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam và nghiên cứu đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam” . Trong đề tài này, em đã hệ thống lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, đồng thời tiến hành mô tả về thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam. Từ thực trạng trên em đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn quá trình hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm tại công ty gồm:

- Kiến nghị về hạch toán các khoản thiệt hại tại công ty
- Kiến nghị về trích trước lương phép của công nhân trực tiếp sản xuất
- Kiến nghị về việc áp dụng công nghệ thông tin cho quá trình hạch toán tại công ty
- Kiến nghị về phương pháp tính giá hàng xuất kho

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng trong quá trình nghiên cứu và viết bài em đã không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô để em hoàn thiện đề tài tốt hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và các cô chú trong phòng kế toán tại công ty TNHH FRONTIER Việt Nam đã hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thiện đề tài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014), Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán. Hà Nội NXB Lao động.
2. Bộ tài chính (2014), Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 2 Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, Hà Nội NXB Lao động.
3. PGS.TS. Phạm Văn Dược, Kế toán chi phí, NXB Tài chính.